

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Mã số doanh nghiệp: 4001300892

Đăng ký lần đầu: ngày 30 tháng 05 năm 2025

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH PHÚ LUÂN GROUP

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PHU LUAN GROUP COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: PHU LUAN GROUP CO., LTD

2. Địa chỉ trụ sở chính

Lô 11B Khu công nghiệp Bắc Chu Lai, Xã Tam Hiệp, Huyện Núi Thành, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

Điện thoại: 0932298866

Fax:

Email: info@phuluan.com

Website:

3. Vốn điều lệ : 9.900.000.000 đồng.

Bằng chữ: Chín tỷ chín trăm triệu đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN CÔNG PHÚ	Việt Nam	Áp 6, Xã Xuân Bắc, Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam	4.950.000.000	50,000	033078009 973	
2	TRINH QUÝ TRỌNG	Việt Nam	Số 4 ngõ 121/48/10B Kim Ngưu, Phường Thanh Lương, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	4.950.000.000	50,000	035089000 322	

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: TRỊNH QUÝ TRỌNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 13/01/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 035089000322

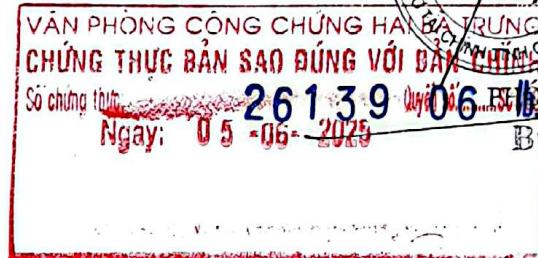
Ngày cấp: 25/04/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 4 ngõ 121/48/10B Kim Ngưu, Phường Thanh Lương, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 4 ngõ 121/48/10B Kim Ngưu, Phường Thanh Lương, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



TRƯỞNG PHÒNG
Bùi Minh Kha



CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Sáng

**BAN QUẢN LÝ CÁC KHU KINH TẾ
VÀ KHU CÔNG NGHIỆP
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 3176672751

Chứng nhận lần đầu: ngày 30 tháng 7 năm 2025

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư và Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT sửa đổi một số điều của Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 1229/QĐ-TTg ngày 15/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh Quảng Nam;

Căn cứ Quyết định số 28/2025/QĐ-UBND ngày 28/04/2025 của UBND tỉnh Quảng Nam về ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh Quảng Nam;

Xét Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo do Công ty TNHH Phú Luân Group nộp ngày 21/7/2025;

Theo đề nghị của Phòng Quản lý đầu tư,

**BAN QUẢN LÝ CÁC KHU KINH TẾ VÀ KHU CÔNG NGHIỆP
TỈNH QUẢNG NAM**

Chứng nhận:

Nhà đầu tư: CÔNG TY TNHH PHÚ LUÂN GROUP Giấy chứng nhận đăng ký thành lập doanh nghiệp số 4001300892 do Sở Tài Chính tỉnh Quảng Nam cấp ngày 30/05/2025.

Địa chỉ trụ sở: Địa chỉ trụ sở: Lô 11B Khu công nghiệp Bắc Chu Lai, Xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng.

Mã số thuế: 4001300892

Điện thoại: 0932298866

Thông tin về người đại diện theo pháp luật:

Họ tên: **TRỊNH QUÝ TRỌNG**

Giới tính: NAM

Chức danh: Giám đốc; Sinh ngày: 13/01/1989; Quốc tịch: Việt Nam.

CCCD số 035089000322 do Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 25/04/2021.

Địa chỉ trường trú: Số 4 ngõ 121/48/10B Kim Ngưu, Phường Thanh Lương, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Chỗ ở hiện nay: Số 4 ngõ 121/48/10B Kim Ngưu, Phường Thanh Lương, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư: **NHÀ MÁY SẢN XUẤT TINH DẦU TRÂM VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ TRÂM HƯƠNG**

2. Mục tiêu:

STT	Mục tiêu hoạt động	Mã ngành theo VSIC (Mã ngành cấp 4)	Mã ngành CPC (*) (đối với ngành nghề có mã CPC, nếu có)
01	Sản xuất tinh dầu trâm.	2029	
02	Sản xuất nhang, vòng trâm, vật phẩm phong thủy.	3290	

3. Công suất: 500 lít tinh dầu/ năm, 5000 vòng trâm/ năm, 150 tấn phụ phẩm/ năm.

4. Địa điểm thực hiện dự án: Lô số 11B, Khu công nghiệp Bắc Chu Lai, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng.

5. Diện tích: 11.855 m²

6. Tổng vốn đầu tư: 49.500.000.000 (bốn mươi chín tỷ năm trăm triệu) đồng và tương đương 1.880.456 (một triệu tám trăm tám mươi nghìn bốn trăm năm mươi sáu) đô la Mỹ (tỷ giá trung bình mua bán ngày 09/07/2025 của ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam), trong đó:

- Vốn góp của nhà đầu tư: 9.900.000.000 VNĐ (chín tỷ chín trăm triệu) đồng và tương đương 376.424 (ba trăm bảy mươi sáu ngàn bốn trăm hai mươi bốn đô la Mỹ)

- Vốn huy động: 39.600.000.000 VNĐ (ba mươi chín tỷ sáu trăm triệu) đồng và tương đương 1.504.562 USD (một triệu năm trăm không bốn nghìn năm trăm sáu mươi hai đô la Mỹ)

7. Thời gian thực hiện dự án: 50 năm kể từ khi dự án được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần đầu.

8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

a) Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn:

- Tiến độ vốn góp:

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Phương thức góp vốn	Tỷ lệ %	Tiến độ góp vốn
		VNĐ	Tương đương USD			
1	Công ty TNHH Phú Luân Group	9.900.000.000	376.424	Tiền	20	Trong vòng 90 ngày kể từ khi thành lập doanh nghiệp

- Tiến độ vốn huy động: Giải ngân theo tiến độ thực hiện dự án.

b) Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động:

- Quý II/2025 đến Quý III/2025: Hoàn thiện các thủ tục đầu tư, đất đai, PCCC, môi trường, xây dựng....

- Quý IV/2025 đến Quý II/2026: Xây dựng các công trình, lắp đặt máy móc, vận hành thử nghiệm.

- Quý III/2026: Hoạt động chính thức.

Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư: Thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật về đầu tư, đất đai, thuế và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 3: Các quy định đối với nhà đầu tư thực hiện dự án

1. Nhà đầu tư, tổ chức kinh tế phải làm thủ tục đăng ký cấp tài khoản sử dụng trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định của pháp luật.

2. Nhà đầu tư, tổ chức kinh tế có trách nhiệm thực hiện đúng các quy định về đầu tư, đất đai, quy hoạch, xây dựng, môi trường, xuất nhập khẩu, lao động, thương mại và các quy định pháp luật khác có liên quan trong quá trình thực hiện đầu tư.

3. Nhà đầu tư, tổ chức kinh tế thực hiện dự án phải thực hiện báo cáo định kỳ cho Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh Quảng Nam theo quy định tại Luật Đầu tư; Cung cấp thông tin nhà thầu thực hiện các hợp đồng xây dựng, lắp đặt (nếu có) cho cơ quan Thuế để kịp thời quản lý thuế. Trường hợp nhà thầu xây dựng, lắp đặt là doanh nghiệp ngoại tỉnh thì đề nghị nhà thầu kê khai thuế đối với hoạt động xây dựng, lắp đặt vắng lai theo quy định; sử dụng tài khoản đã được cấp báo cáo, cập nhật thông tin thường xuyên trên hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật.

Điều 4: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 02 (hai) bản gốc; nhà đầu tư được cấp 01 bản, 01 bản lưu tại Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh Quảng Nam và được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Thuế thành phố Đà Nẵng;
- Chi cục Hải quan Khu vực XII;
- Công ty TNHH MTV PTHT KCN Chu Lai;
- Các Phòng: TNMT, QHĐT&HT;
- Lưu: VT, QLĐT.

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN



Lê Quang Triều

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 09. tháng 9. năm 2025

BIÊN BẢN THỎA THUẬN ĐẦU NỐI HẠ TẦNG KỸ THUẬT

Dự án: Nhà máy sản xuất tinh dầu trầm và các sản phẩm từ trầm hương
Địa điểm: Lô 11B, KCN Bắc Chu Lai, xã Núi Thành, TP Đà Nẵng, Việt Nam.

I/ THÀNH PHẦN THAM GIA

1. ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KCN CHU LAI (BÊN A)

- Ông : Bùi Tấn Quí ; Chức vụ : Phó Giám đốc
- Ông : Nguyễn Văn Vinh ; Chức vụ : P.Trưởng BQL KCN.BCL
- Bà : Huỳnh Thị Yên ; Chức vụ : P.Trưởng BQL KCN.BCL

2. ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH PHÚ LUÂN GROUP (BÊN B)

- Ông: Trịnh Quý Trọng ; Chức vụ: Giám đốc

II/ CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ TÀI LIỆU:

- Căn cứ Hợp đồng cho thuê lại quyền sử dụng đất số 57/2025/HĐ-CTLQSDĐ ngày 14/8/2025 đã ký giữa Công ty TNHH MTV Phát triển hạ tầng KCN Chu Lai và Công ty TNHH Phú Luân Group;
- Căn cứ Biên bản bàn giao mặt bằng số 01/BB-BGMB ngày 26 tháng 8 năm 2025;
- Căn cứ Văn bản số 07/2025/CV-PL ngày 07/9/2025 của Công ty TNHH Phú Luân Group (kèm Bản vẽ “Phương án tổng mặt bằng về đề nghị đầu nối hạ tầng”;
- Căn cứ hiện trạng hạ tầng kỹ thuật KCN Bắc Chu Lai và các Văn bản pháp lý có liên quan.

III/ NỘI DUNG THỎA THUẬN ĐẦU NỐI HẠ TẦNG KỸ THUẬT:

Sau khi trao đổi, hai bên thống nhất đầu nối hạ tầng kỹ thuật của dự án: Nhà máy sản xuất tinh dầu trầm và các sản phẩm từ trầm hương vào hạ tầng kỹ thuật KCN Bắc Chu Lai với những nội dung sau:

1. Đầu nối giao thông

- Thống nhất vị trí, kích thước cổng theo bản vẽ đính kèm (Bản vẽ số 01)
- Bên B cam kết xây dựng cổng đảm bảo khả năng chịu lực và an toàn giao thông, tuân thủ thiết kế và giám sát của Bên A trong quá trình thi công.
- Bố trí 02 ống qua đường tại vị trí trước cổng ra vào Dự án (đường kính D300-HDPE, phục vụ lắp đặt đường ống cấp nước sạch và PCCC của KCN) và bố trí các hố ga kỹ thuật.

2. Đầu nối trạm hạ thế (TBA):

- Vị trí TBA nằm bên trong hàng rào của dự án (Bản vẽ số 02).
- Bên B liên hệ với Đơn vị Điện lực Đà Nẵng để thực hiện thủ tục thiết kế kỹ thuật đầu nối cấp điện và xây dựng.

3. Đầu nối cấp nước:

- Thống nhất vị trí theo bản vẽ đính kèm (Bản vẽ số 03)
- Bên B liên hệ với Công ty cấp nước Quảng Nam để thực hiện thủ tục cấp nước.

4. Đầu nối thoát nước mưa

- Đầu nối hệ thống thoát nước mưa của Dự án vào hệ thống thoát nước mưa thuộc tuyến đường số 2 KCN Bắc Chu Lai.

+ Vị trí đầu nối 1: Đoạn mương giữa 2 hố ga 20P và 21P, cao trình đáy mương: +5.57m (tương ứng với vị trí 1 – Bản vẽ số 04)

+ Vị trí đầu nối 2: Đoạn mương giữa 2 hố ga 22P và 23P, cao trình đáy mương: +4.45m (tương ứng với vị trí 2 – Bản vẽ số 04)

- Yêu cầu kỹ thuật:

+ Cao độ đáy mương thoát nước mưa của Dự án tại điểm đầu nối phải cao hơn cao độ đáy mương KCN tối thiểu 10 cm.

+ Bên B phải xây dựng hố ga thu nước cuối tuyến và lắp đặt song chắn rác trước khi đầu nối vào hệ thống chung KCN.

5. Đầu nối thoát nước thải:

- Đầu nối hệ thống thoát nước thải của Dự án vào hệ thống thu gom nước thải chung của KCN thuộc tuyến đường số 2 KCN Bắc Chu Lai. Vị trí đầu nối vào hố ga KT-2 (Bản vẽ số 05).

- Yêu cầu:

+ Cao độ mặt hố ga nước thải của nhà máy phải cao hơn cao độ mặt đất xung quanh ít nhất 20 cm để ngăn nước mưa tràn vào hố ga nước thải.

+ Tại các vị trí góc ngoặt, vị trí đầu nối các đường ống nước thải từ các hướng về một điểm giao phải bố trí hố ga kiểm tra để xác định hướng đi đường ống và xác định các đường ống nước thải đầu nối với nhau.

+ Bố trí xây dựng hố ga kiểm tra trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung, tại hố ga kiểm tra lắp đặt song chắn rác, van khóa, ...

IV/ YÊU CẦU CHUNG VÀ CAM KẾT

- Hệ thống thu gom nước mưa và nước thải của Dự án phải được tách biệt hoàn toàn.

- Trước khi thi công hạ tầng đầu nối, Bên B phải cung cấp bản vẽ chi tiết và phối hợp với Bên A để có thông tin về các đường ống hạ tầng kỹ thuật ngầm của KCN nhằm đảm bảo an toàn thi công và có trách nhiệm hoàn trả mặt bằng đã phá dỡ về nguyên trạng ban đầu.

- Bên A sẽ phối hợp kiểm tra việc tách biệt nước mưa và nước thải trong quá trình thi công.

- Bên B phải thông báo cho Bên A tiến hành nghiệm thu trước khi thực hiện công tác lắp đặt che khuất các hạng mục thi công.

- Công tác đầu nối hệ thống thoát nước mưa, nước thải chỉ được thực hiện khi hệ thống nội bộ đã hoàn thành và được Bên A nghiệm thu.

- Bên B chịu toàn bộ chi phí phát sinh liên quan đến việc di dời công trình, vật kiến trúc (nếu có) do việc đầu nối hạ tầng của Dự án vào hạ tầng kỹ thuật của Bên A, đồng thời có trách nhiệm hoàn trả mặt bằng theo nguyên trạng, đảm bảo yêu cầu của Bên A.

- Hai bên cam kết thực hiện đúng các nội dung đã thỏa thuận. Mọi vướng mắc sẽ được cùng nhau giải quyết.

- Biên bản được lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 01 bản, kèm theo bản vẽ đầu nối hạ tầng.

(Đính kèm bản vẽ đầu nối giao thông, trạm biến áp, cấp nước, thoát nước mưa, nước thải)

ĐẠI DIỆN
CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TRIỂN
HẠ TẦNG KCN CHU LAI



BUI TẤN QUÍ

ĐẠI DIỆN
CÔNG TY TNHH PHÚ LUÂN GROUP



GIÁM ĐỐC

Trình Quý Trọng

TỔNG MẶT BẰNG GIAO THÔNG NỘI BỘ

DỰ ÁN: DỰ ÁN: NHÀ MÁY SẢN XUẤT TINH DẦU TRẦM VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ TRẦM HƯƠNG

ĐỊA ĐIỂM: LÔ 11B, KCN BẮC CHU LAI, XÃ NÚI THÀNH, TP ĐÀ NẴNG

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH PHÚ LUÂN GROUP

(Kèm theo Biên bản thỏa thuận đấu nối hạ tầng giữa Công ty TNHH Phú Luân Group và Công ty TNHH MTV Phát triển hạ tầng KCN Chu Lai, ngày 09 / 9 /2025)



THIẾT KẾ - DESIGNER

CÔNG TY TNHH TV-TK-XD

SAIGON HOUSE

SAM BỐC - DIRECTOR

KTS. ĐỖ DUY LINH

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN - PROJECT MANAGER

KTS. PHẠM THANH HOÀNG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ - CHIEF DESIGN

KTS. PHẠM THANH HOÀNG

THỂ HIỆN - DRAWING

KTS. TRẦN VŨ TUẤN SINH

KIỂM TRA - CHECKED BY

THS. K.S. VŨ NHẬT HƯNG

SUPH

NGÀY

DATE

NỘI DUNG THAY ĐỔI

CONTENT AMENDMENT

TÊN CÔNG TRÌNH - PROJECT TITLE

NHÀ MÁY SẢN XUẤT TINH DẦU TRẦM VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ TRẦM HƯƠNG

HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH - PROJECT ITEM

CODE

TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE

TỔNG MẶT BẰNG

ĐƯỜNG GIAO THÔNG

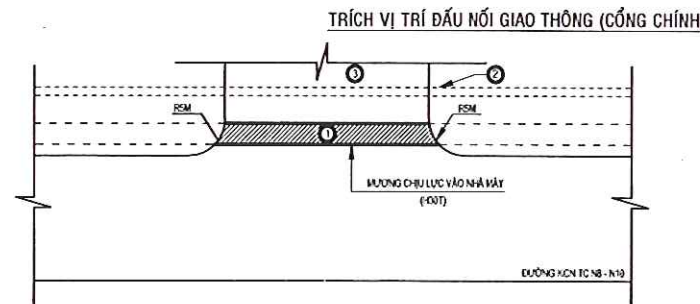
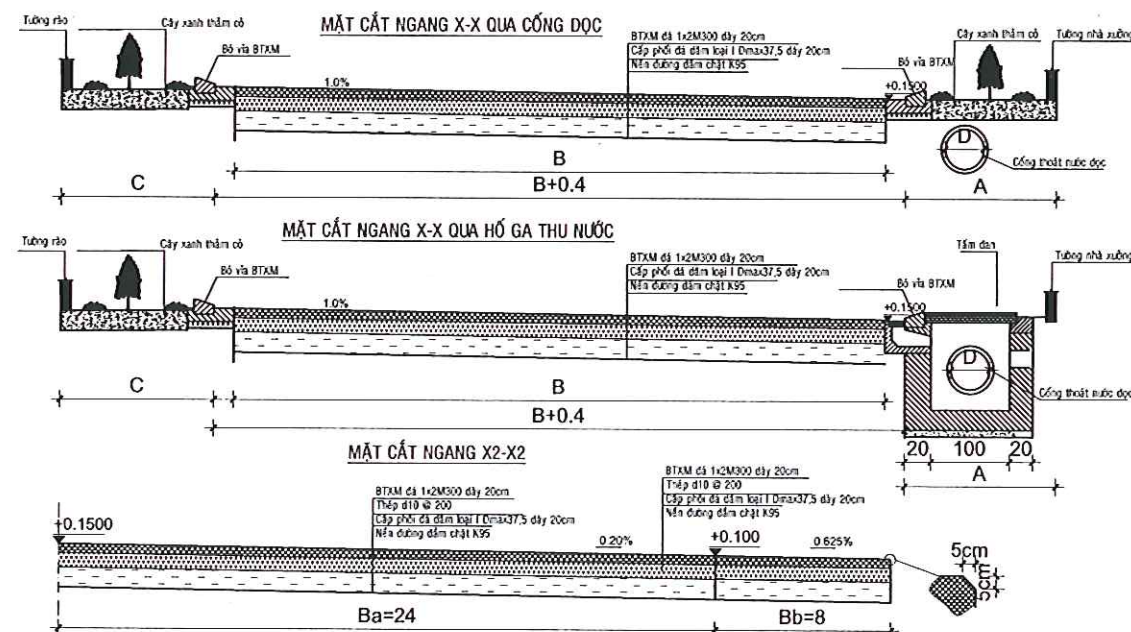
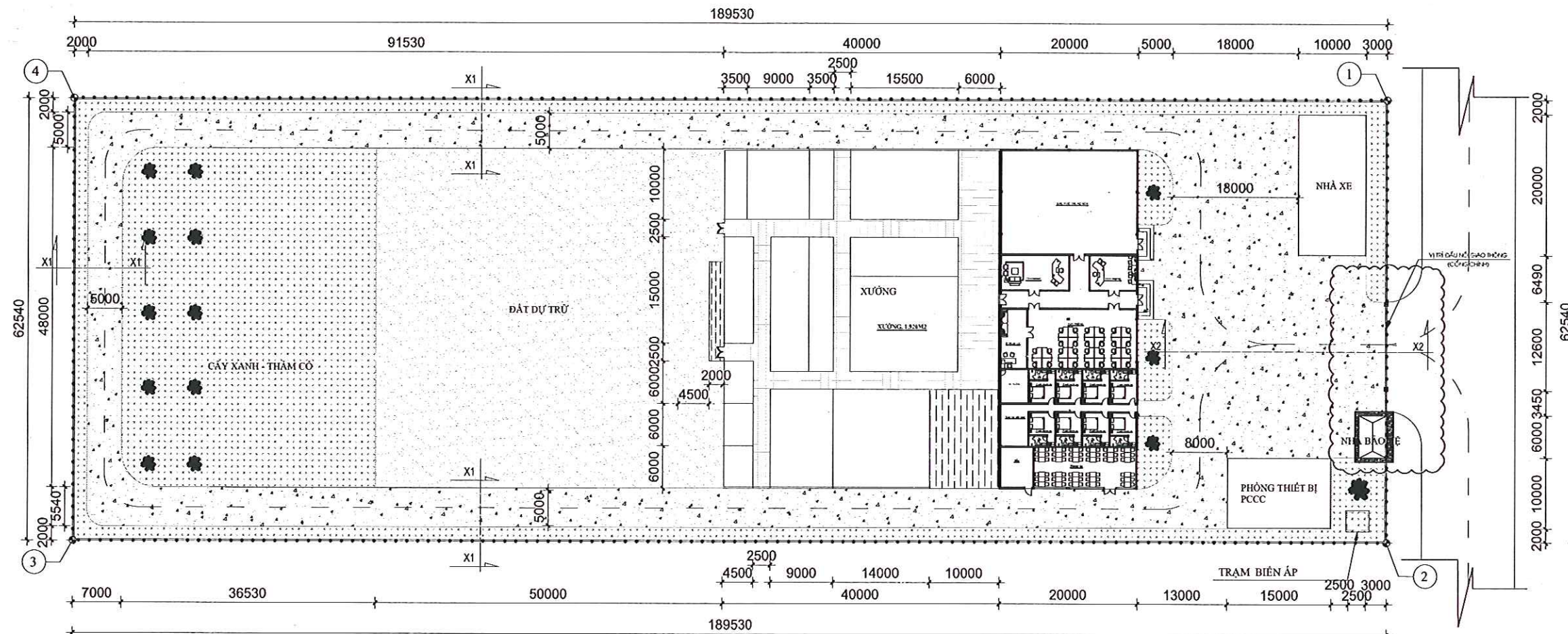
NỘI BỘ

LOẠI - DRAWING TYPE

BẢN VẼ SỐ - DWG No.

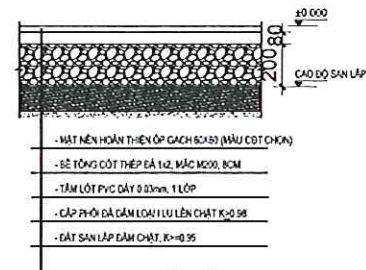
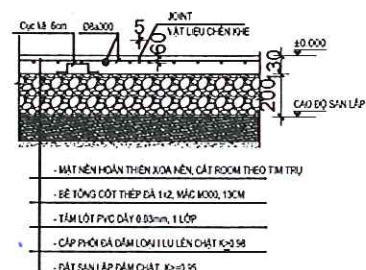
ISS

01



MẶT CẮT	KÍCH THƯỚC	GHI CHÚ
X1-X1	B1=4M, A1, C1	
X2-X2	B2=5M, A2, C2	
X3-X3	B3=6.5M, A3, C3	
X4-X4	B4=7M, A4, C4	
X5-X5	B5=25M, A5, C5	
X6-X6	B6a=24M, B6b=8m	

- 1. MƯỜNG CHU LỰC BTCC MẠC DÂY 200 DÁ 1X2 ĐỒ TẠ CHỖ
- 2. CỐNG HỢP 0.000 DẠT 1M DUYỀN LƯỜNG (0.7M)
- 3. BÊ TÔNG CỐT THÉP MẠC DÁ 1X2 DÂY 200
- 4. CẤP DẪN LOẠI A DÂY 200
- 5. ĐÁ ĐÓNG DẠM CHẤT K95
- 6. GÁNH TẦM 2 BÊN THÀNH MƯỜNG BĂNG CẤP DÂY 50CM



M CHI TIẾT NỀN

N CHI TIẾT NỀN

TỔNG MẶT BẰNG CẤP NƯỚC SẠCH

DỰ ÁN: DỰ ÁN: NHÀ MÁY SẢN XUẤT TINH DẦU TRÀM VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ TRÀM HƯƠNG

ĐỊA ĐIỂM: LÔ 11B, KCN BẮC CHU LAI, XÃ NÚI THÀNH, TP ĐÀ NẴNG

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH PHÚ LUÂN GROUP

(Kèm theo Biên bản thỏa thuận đầu nối hạ tầng giữa Công ty TNHH Phú Luân Group và Công ty TNHH MTV Phát triển hạ tầng KCN Chu Lai, ngày 01 / 9 / 2025)



KTS. ĐO DUY LINH

CHỦ NHIỆM ĐỒ ÁN - PROJECT MANAGER

KTS. PHẠM THANH HOÀNG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ - CHIEF DESIGN

KS. ĐO MINH HẢI

THẺ HẸN - DRAWING

KTS. TRẦN VU TUẤN ANH

KIỂM TRA - CHECKED BY

THS. KS. VÕ NHẬT HOÀNG

SỐ NGÀY NỘI DUNG THAY ĐỔI

ISSUE DATE CONTENT AMENDMENT

TÊN CÔNG TRÌNH - PROJECT TITLE

NHÀ MÁY SẢN XUẤT TINH DẦU TRÀM VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ TRÀM HƯƠNG

HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH - PROJECT ITEM

CODE

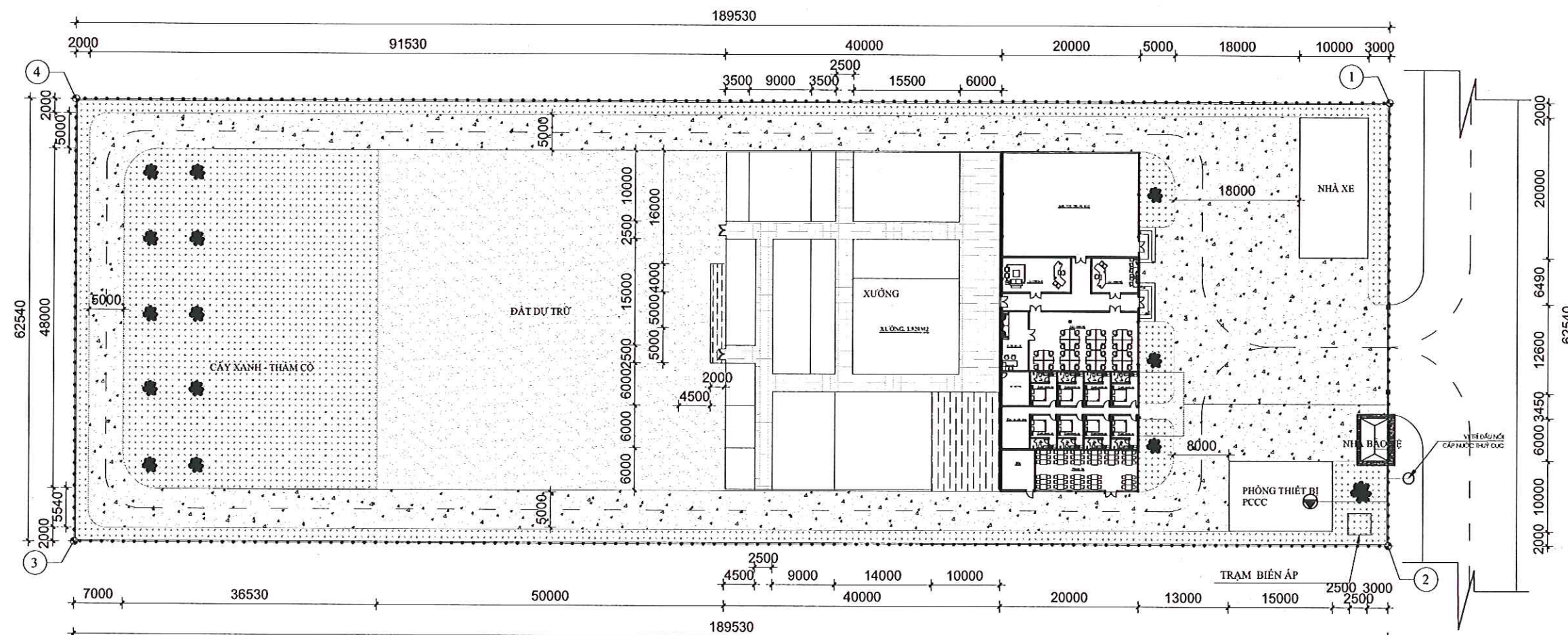
TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE

TỔNG MẶT BẰNG CẤP NƯỚC

LOẠI - DRAWING TYPE

BẢN VẼ SỐ - DWG No.

03



MÁY BƠM CẤP NƯỚC



ỐNG CẤP NƯỚC THỦY CỤC



HƯỚNG TUYẾN



ĐƯỜNG KÍNH - VẬT LIỆU

100

TỔNG MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI

DỰ ÁN: DỰ ÁN: NHÀ MÁY SẢN XUẤT TINH DẦU TRÀM VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ TRÀM HƯƠNG

ĐỊA ĐIỂM: LÔ 11B, KCN BẮC CHU LAI, XÃ NÚI THÀNH, TP ĐÀ NẴNG

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH PHÚ LUÂN GROUP

(Kèm theo Biên bản thỏa thuận đầu nối hạ tầng giữa Công ty TNHH Phú Luân Group và Công ty TNHH MTV Phát triển hạ tầng KCN Chu Lai, ngày 09 / 9 /2025)



KTS. ĐỖ DUY LINH
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN - PROJECT MANAGER

KTS. PHẠM THANH HOÀNG
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ - CHIEF DESIGN

KS. ĐỖ MINH HẢI
THẺ HẸN - DRAWING

KTS. TRẦN VŨ TUẤN SƠN
KIỂM TRA - CHECKED BY

THS. KS. VÕ NHẬT HƯƠNG

SỐ ISSUE	NGÀY DATE	NỘI DUNG THAY ĐỔI CONTENT AMENDMENT

TÊN CÔNG TRÌNH - PROJECT TITLE
NHÀ MÁY SẢN XUẤT TINH DẦU TRÀM
VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ TRÀM HƯƠNG

HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH - PROJECT ITEM
CODE

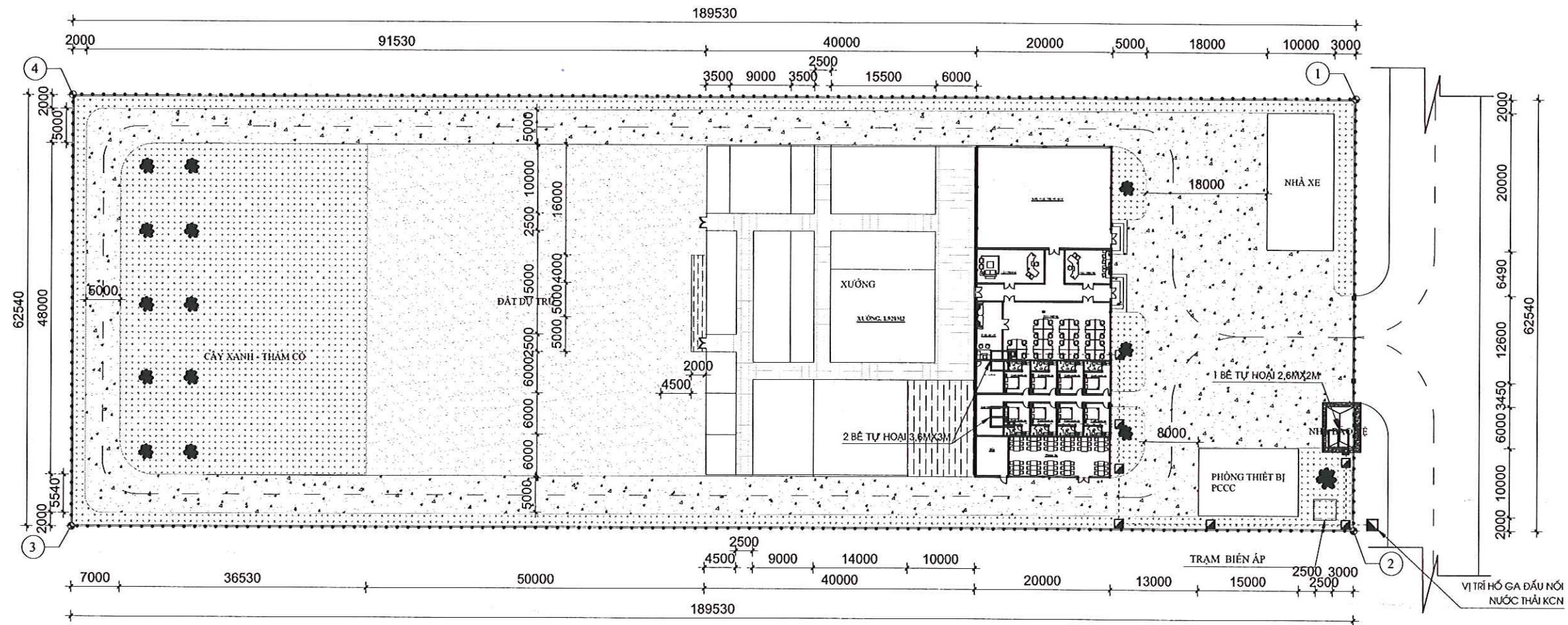
TÊN BẢN VẼ - DRAWING TITLE

TỔNG MẶT BẰNG
THOÁT NƯỚC THẢI

LOẠI - DRAWING TYPE

BẢN VẼ SỐ - DWG No.

05



BỂ TỰ HOẠI



ỐNG THOÁT NƯỚC THẢI PVC



ĐỘ DỐC THOÁT NƯỚC THẢI



ĐƯỜNG KÍNH - VẬT LIỆU, L= 400M



ĐƯỜNG KÍNH - VẬT LIỆU, L= 400M

**UBND THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
BAN QUẢN LÝ CÁC KHU KINH TẾ
VÀ KHU CÔNG NGHIỆP
QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1319 /KKTCN-QHĐT

Đà Nẵng, ngày 09 tháng 10 năm 2025

V/v chấp thuận quy hoạch tổng mặt bằng
dự án Nhà máy sản xuất tinh dầu trầm và các
sản phẩm từ trầm hương

Kính gửi: Công ty TNHH Phú Luân group

Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp Quảng Nam (viết tắt là Ban Quản lý) nhận được Tờ trình ngày 25/9/2025 của Công ty TNHH Phú Luân group (gửi kèm: hồ sơ quy hoạch tổng mặt bằng do Công ty TNHH thiết kế và thi công A.CENTER lập và các pháp lý có liên quan) đề nghị chấp thuận quy hoạch tổng mặt bằng dự án Nhà máy sản xuất tinh dầu trầm và các sản phẩm từ trầm hương.

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15 ngày 26/11/2024;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/05/2021 của Bộ Xây dựng về việc Ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng; Thông tư số 15/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ Xây dựng Ban hành QCVN 07:2023/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật; Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 1737/QĐ-TTg ngày 13/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế mở Chu Lai, tỉnh Quảng Nam đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 4206/QĐ-UBND ngày 24/12/2019 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc ban hành Quy định quản lý theo đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu Kinh tế mở Chu Lai, tỉnh Quảng Nam đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 1229/QĐ-TTg ngày 15/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh Quảng Nam;

Căn cứ Quyết định số 28/2025/QĐ-UBND ngày 25/4/2025 của UBND tỉnh Quảng Nam ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh Quảng Nam;

Căn cứ Quyết định số 118/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc tiếp nhận nguyên trạng các tổ chức hành chính thuộc Ủy ban

nhân dân tỉnh Quảng Nam và Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng (cũ) sang Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng (mới);

Căn cứ Quyết định số 777/QĐ-UBND ngày 28/3/2025 của UBND tỉnh Quảng Nam phê duyệt đồ án quy hoạch phân khu xây dựng (tỷ lệ 1/2000) Khu công nghiệp Bắc Chu Lai, Khu kinh tế mở Chu Lai;

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 3176672751, chúng nhận lần đầu ngày 30/7/2025 của Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh Quảng Nam;

Theo Hợp đồng cho thuê lại quyền sử dụng đất số 57/2025/HĐ-CTLQSDĐ ngày 14/8/2025 được ký kết giữa Công ty TNHH MTV Phát triển hạ tầng KCN Chu Lai và Công ty TNHH Phú Luân group;

Theo Biên bản thỏa thuận đầu nối hạ tầng kỹ thuật ngày 09/9/2025 được ký kết giữa Công ty TNHH MTV Phát triển hạ tầng KCN Chu Lai và Công ty TNHH Phú Luân group;

Sau khi xem xét hồ sơ Quy hoạch tổng mặt bằng của dự án Nhà máy sản xuất tinh dầu trầm và các sản phẩm từ trầm hương do Công ty TNHH thiết kế và thi công A.CENTER lập và nghiên cứu các quy định có liên quan, Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp Quảng Nam chấp thuận các nội dung về quy hoạch tổng mặt bằng của dự án như sau:

1. Nội dung quy hoạch tổng mặt bằng

1.1. Phạm vi, vị trí và quy mô diện tích lập quy hoạch:

a) Phạm vi, vị trí: Lô 11B, Khu công nghiệp Bắc Chu Lai, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng, có ranh giới tiếp giáp như sau:

- + Phía Tây Bắc : Giáp Công ty TNHH Dacotex Hải Âu Xanh.
- + Phía Tây Nam : Giáp Công ty TNHH MTV quốc tế Sơn Hà Chu Lai.
- + Phía Đông Bắc : Giáp đường số 2 KCN Bắc Chu Lai.
- + Phía Đông Nam : Giáp Công ty Cổ phần gỗ Minh Dương Chu Lai.

b) Quy mô diện tích lập quy hoạch: 11.855 m².

1.2. Chức năng sử dụng đất: Sản xuất công nghiệp, kho bãi.

1.3. Dân số: Dự kiến sử dụng khoảng 60 lao động.

1.4. Các chỉ tiêu cơ bản của đồ án:

- Mật độ xây dựng: 40,68%.
- Tỷ lệ cây xanh: 27,41%.

1.5. Chỉ tiêu sử dụng đất:

Bảng thống kê chi tiết quy hoạch sử dụng đất

STT	Chức năng sử dụng đất	Ký hiệu	Diện tích xây dựng (m ²)	Tầng cao (tầng)	Chiều cao tối đa (m)	Tỷ lệ (%)
I	Đất xây dựng công trình		4.847			40,88
A	Công trình kiến trúc chính		4.823			40,68
1	Nhà văn phòng	NVP	960	1	7	

2	Xưởng 1	X1	1.920	1	10,6	
3	Xưởng 2	X2	1.584	1	10,6	
4	Nhà xe	NX	200	1	5,5	
5	Bể nước PCCC	BN	150	1	3,9	
6	Trạm biến áp	TBA	9	1	5	
B	Công trình phụ trợ		24			0,20
7	Nhà bảo vệ	BV	24	1	3,6	
II	Đất cây xanh	CX	3.249			27,41
III	Sân bãi, giao thông nội bộ		3.759			31,71
Tổng			11.855			100,00

1.6. Phương án tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan:

- Không gian tổng thể được quy hoạch theo hướng bố trí các khối công trình chính như nhà văn phòng, nhà xưởng nằm liền kề nhau để thuận tiện trong việc phân bố công năng sử dụng; các công trình phụ trợ được bố trí gần khu vực cổng; hình thức kiến trúc tương đối đơn giản, ưu tiên công năng sử dụng và sự bền vững.

- Cây xanh được bố trí tập trung tại một khu vực và dọc theo tường rào của dự án.

- Hệ thống giao thông được bố trí tiếp cận trực tiếp tới các công trình, nhằm đảm bảo trong việc vận hành, xuất nhập hàng hoá và phòng cháy chữa cháy.

1.7. Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật:

a) Giao thông:

- Quy hoạch hệ thống đường giao thông nội bộ bao quanh các hạng mục công trình kết hợp đường phòng cháy chữa cháy. Tổ chức mạng lưới giao thông đảm bảo tính liên tục, an toàn về công tác phòng cháy chữa cháy và thuận tiện trong việc vận hành, xuất nhập hàng hoá.

- Kết cấu nền mặt đường đảm bảo yêu cầu chịu lực trong khu công nghiệp theo Quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.

b) Chuẩn bị kỹ thuật:

* San nền:

- Cao độ san nền đã được đầu tư hoàn chỉnh theo Quy hoạch phân khu (tỷ lệ 1/2000) Khu công nghiệp Bắc Chu Lai đã được phê duyệt.

- Cao độ thiết kế cao nhất là +7.77m, cao độ thiết kế thấp nhất là +7.30m, dốc về phía Đông Bắc.

- Độ dốc thiết kế san nền đảm bảo thoát nước tự chảy, không gây ngập úng cục bộ.

* Thoát nước mưa:

- Hệ thống thu gom nước mưa trong phạm vi dự án được bố trí dọc theo các khối công trình.

- Tuyến thoát nước mưa sử dụng công tròn bê tông ly tâm D300, D600, D800; nước mưa sau khi thu gom được đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa hiện

trạng tại 02 vị trí trên tuyến đường số 2 của KCN Bắc Chu Lai theo như thỏa thuận đầu nối với chủ đầu tư dự án kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp.

2. Tổ chức thực hiện

2.1. Công ty TNHH Phú Luân group:

- Chịu trách nhiệm về năng lực của đơn vị tư vấn lập quy hoạch; tính chính xác về hồ sơ quy hoạch tổng mặt bằng được chấp thuận và đầu nối hạ tầng theo đúng vị trí đã được thỏa thuận.

- Triển khai các bước tiếp theo về đầu tư xây dựng dự án đảm bảo quy định và tuân thủ quy hoạch tổng mặt bằng của dự án Nhà máy sản xuất tinh dầu trầm và các sản phẩm từ trầm hương được chấp thuận; thiết kế hệ thống hạ tầng kỹ thuật phải đảm bảo khớp nối đồng bộ với hệ thống hạ tầng kỹ thuật tại Khu công nghiệp Bắc Chu Lai đã được phê duyệt và thực hiện theo thỏa thuận đầu nối hạ tầng kỹ thuật được ký kết giữa Công ty TNHH MTV Phát triển hạ tầng KCN Chu Lai và Công ty TNHH Phú Luân group; thực hiện báo cáo định kỳ hàng năm hoặc các vướng mắc phát sinh (nếu có) về Ban Quản lý và đơn vị có liên quan để tổng hợp, chỉ đạo thực hiện theo thẩm quyền.

- Trong quá trình thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy có sự thay đổi so với quy hoạch tổng mặt bằng được chấp thuận thì đề nghị Công ty TNHH Phú Luân group thực hiện điều chỉnh chấp thuận quy hoạch tổng mặt bằng của dự án để làm cơ sở triển khai các bước tiếp theo.

2.2. Công ty TNHH MTV Phát triển hạ tầng KCN Chu Lai:

Phối hợp, theo dõi và hướng dẫn nhà đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện dự án đảm bảo tuân thủ quy hoạch tổng mặt bằng được chấp thuận.

2.3. Các phòng: Quy hoạch, Đô thị và Hạ tầng; Tài nguyên và Môi trường; Quản lý đầu tư chịu trách nhiệm theo dõi, kiểm tra và hướng dẫn chủ đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện các bước tiếp theo đúng quy định.

Trên đây là ý kiến chấp thuận của Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp Quảng Nam, đề nghị Công ty TNHH Phú Luân group và các đơn vị liên quan căn cứ, triển khai thực hiện./.

(Kèm theo hồ sơ quy hoạch tổng mặt bằng được chấp thuận)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Trưởng ban (b/c);
- Công ty TNHH MTV Phát triển hạ tầng KCN Chu Lai;
- Các Phòng: TN&MT, QLĐT;
- Lưu: VT, QHĐT (D).

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Lê Quang Triều



Số/No: 638.2025/KQTN-KHKTNT

Ngày/Date: 26/8/2025

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

- Khách hàng/Client: **CÔNG TY TNHH PHÚ LUÂN GROUP**
- Địa chỉ/Address: **Lô 11B KCN Bắc Chu Lai, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng**
- Tên mẫu /Name of sample: **Không khí xung quanh**
- Kí hiệu mẫu/Mark of sample: **KK**
- Địa điểm lấy mẫu/Sampling location: **Nhà máy sản xuất tinh dầu Tràm và các sản phẩm từ Tràm hương-
Lô 11B KCN Bắc Chu Lai, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng**
- Ngày lấy mẫu/Date of sampling: **18/8/2025**
- Kết quả thử nghiệm/Test results:

TT No	Thông số Test properties	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Kết quả Test results	QCVN 05:2023 /BTNMT
1	Nhiệt độ ⁽¹⁾	°C	QCVN	33,4	-
2	Độ ẩm ⁽¹⁾	%	46:2022/BTNMT	68,7	-
3	Vận tốc gió ⁽¹⁾	m/s	SOP.HT.16/KHKTNT	0,8	-
4	Tiếng ồn ⁽¹⁾	dBA	TCVN 7878-2:2018	60,2	70 ^(*)
5	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ⁽¹⁾	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	199	300
6	CO ⁽¹⁾	µg/Nm ³	SOP.TK.03/KHKTNT	KPH	30.000
7	NO ₂ ⁽¹⁾	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	46,5	200
8	SO ₂ ⁽¹⁾	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	54,0	350

Ghi chú/ Notes:

- Kết quả thử nghiệm trên chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm vào thời điểm lấy/nhận mẫu/This test report is only valid on the sample at the moment of sampling/ receiving.
- Tên mẫu, ký hiệu mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample, mark, client are named by client's requirements.
- Dấu (!): Thông số đã được công nhận VIMCERTS 186 bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường/ Test methods are accredited VIMCERTS 186 by Ministry of Natural Resources and Environment.
- QCVN 05:2023/BTNMT (trung bình 1 giờ): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.
- (*): QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.
- KK: Không khí xung quanh tại khu vực dự án, tọa độ (X: 1708 296; Y: 593 105).
- KPH: Không phát hiện (< MDL). MDL: Giới hạn phát hiện.

**PHÒNG
PHÂN TÍCH VÀ THỬ NGHIỆM**


CN. Phan Thị Thái Bình



Võ Thị Thủy



Số/No: 640.2025/KQTN-KHKTNT

Ngày/Date: 26/8/2025

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Khách hàng/Client: **CÔNG TY TNHH PHÚ LUÂN GROUP**
2. Địa chỉ/Address: **Lô 11B KCN Bắc Chu Lai, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng**
3. Tên mẫu /Name of sample: **Không khí xung quanh**
4. Ký hiệu mẫu/Mark of sample: **KK**
5. Địa điểm lấy mẫu/Sampling location: **Nhà máy sản xuất tinh dầu Tràm và các sản phẩm từ Tràm hương - Lô 11B KCN Bắc Chu Lai, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng**
6. Ngày lấy mẫu/Date of sampling: **19/8/2025**
7. Kết quả thử nghiệm/Test results:

TT No	Thông số Test properties	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Kết quả Test results	QCVN 05:2023 /BTNMT
1	Nhiệt độ ⁽¹⁾	°C	QCVN	33,1	-
2	Độ ẩm ⁽¹⁾	%	46:2022/BTNMT	68,1	-
3	Vận tốc gió ⁽¹⁾	m/s	SOP.HT.16/KHKTNT	0,7	-
4	Tiếng ồn ⁽¹⁾	dBA	TCVN 7878-2:2018	59,6	70 ^(*)
5	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ⁽¹⁾	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	178	300
6	CO ⁽¹⁾	µg/Nm ³	SOP.TK.03/KHKTNT	KPH	30.000
7	NO ₂ ⁽¹⁾	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	44,2	200
8	SO ₂ ⁽¹⁾	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	50,0	350

Ghi chú/ Notes:

- Kết quả thử nghiệm trên chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm vào thời điểm lấy/nhận mẫu/This test report is only valid on the sample at the moment of sampling/ receiving.
- Tên mẫu, ký hiệu mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample, mark, client are named by client's requirements.
- Dấu (*): Thông số đã được công nhận VIMCERTS 186 bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường/ Test methods are accredited VIMCERTS 186 by Ministry of Natural Resources and Environment.
- QCVN 05:2023/BTNMT (trung bình 1 giờ): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.
- (*) : QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.
- KK: Không khí xung quanh tại khu vực dự án, tọa độ (X: 1708 296; Y: 593 105).
- KPH: Không phát hiện (< MDL). MDL: Giới hạn phát hiện.

**PHÒNG
PHÂN TÍCH VÀ THỬ NGHIỆM**

CN. Phan Thị Thái Bình



Võ Thị Thủy



Số/No: 643.2025/KQTN-KHKTNT

Ngày/Date: 26/8/2025

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Khách hàng/Client: **CÔNG TY TNHH PHÚ LUÂN GROUP**
2. Địa chỉ/Address: **Lô 11B KCN Bắc Chu Lai, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng**
3. Tên mẫu /Name of sample: **Không khí xung quanh**
4. Ký hiệu mẫu/Mark of sample: **KK**
5. Địa điểm lấy mẫu/Sampling location: **Nhà máy sản xuất tinh dầu Tràm và các sản phẩm từ Tràm hương-
Lô 11B KCN Bắc Chu Lai, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng**
6. Ngày lấy mẫu/Date of sampling: **20/8/2025**
7. Kết quả thử nghiệm/Test results:

TT No	Thông số Test properties	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Kết quả Test results	QCVN 05:2023 /BTNMT
1	Nhiệt độ ⁽¹⁾	°C	QCVN	33,4	-
2	Độ ẩm ⁽¹⁾	%	46:2022/BTNMT	68,4	-
3	Vận tốc gió ⁽¹⁾	m/s	SOP.HT.16/KHKTNT	0,7	-
4	Tiếng ồn ⁽¹⁾	dBA	TCVN 7878-2:2018	59,5	70 ^(*)
5	Tổng bụi lơ lửng (TSP) ⁽¹⁾	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	192	300
6	CO ⁽¹⁾	µg/Nm ³	SOP.TK.03/KHKTNT	KPH	30.000
7	NO ₂ ⁽¹⁾	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	46,2	200
8	SO ₂ ⁽¹⁾	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	50,0	350

Ghi chú/ Notes:

- Kết quả thử nghiệm trên chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm vào thời điểm lấy/nhận mẫu/This test report is only valid on the sample at the moment of sampling/ receiving.
- Tên mẫu, ký hiệu mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng/ The sample, mark, client are named by client's requirements.
- Dấu (*): Thông số đã được công nhận VIMCERTS 186 bởi Bộ Tài nguyên và Môi trường/ Test methods are accredited VIMCERTS 186 by Ministry of Natural Resources and Environment.
- QCVN 05:2023/BTNMT (trung bình 1 giờ): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.
- (*) : QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.
- KK: Không khí xung quanh tại khu vực dự án, tọa độ (X: 1708 296; Y: 593 105).
- KPH: Không phát hiện (< MDL). MDL: Giới hạn phát hiện.

**PHÒNG
PHÂN TÍCH VÀ THỬ NGHIỆM**

CN. Phan Thị Thái Bình



Võ Thị Thủy

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC



BẢN VẼ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG

CÔNG TRÌNH : NHÀ MÁY SẢN XUẤT TINH DẦU TRĂM VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ TRĂM HƯƠNG

CHỦ ĐẦU TƯ : CÔNG TY TNHH PHÚ LUÂN GROUP

ĐỊA CHỈ : LÔ 11B, KCN BẮC CHU LAI, XÃ NÚI THÀNH, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

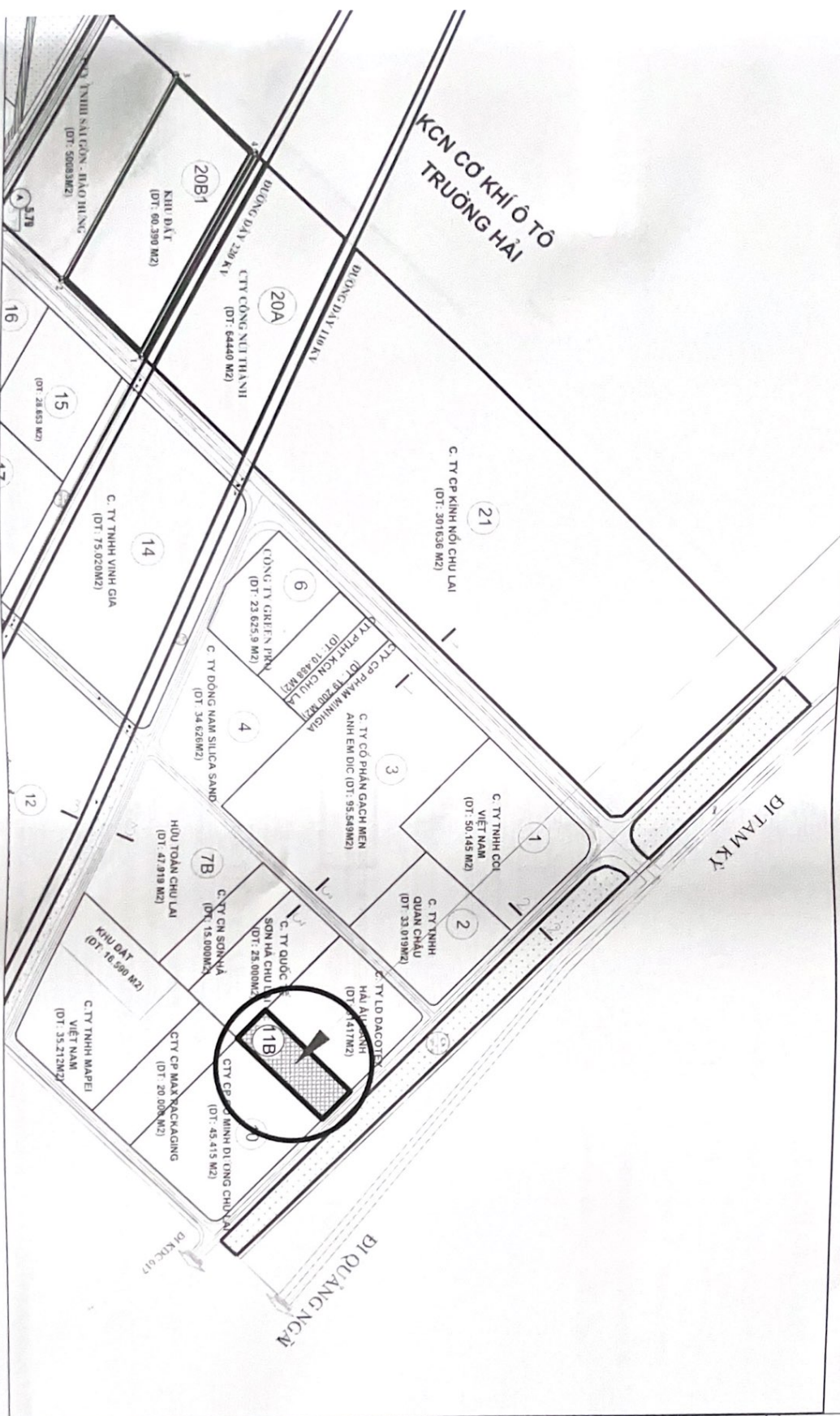
ĐỊA ĐIỂM: LÔ 11B, KCN BẮC CHUÂN, TỈNH QUẢNG TRUNG

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH PHÚ LÂN GROUP

LIÊN HỆ VÙNG

(Kèm theo Công văn số...../KKTN_QHĐT ngày...../10/2025 của Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp Quảng Nam)

VỊ TRÍ KHU VỰC LẬP QUY HOẠCH
LÔ DẤT 11B: 11.855M²



CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ & THUYẾT
A.CENTER

statistical analysis

1

...and the ...

ETH. PHARM. BUREAU, ICASA

--	--

177

ĐỀ THI - CHUYÊN NGÀNH

EDMUNDA CHICAGO

1

THE 100 VOYAGE

INNOV	DATE	CONTENT AREA

STATION	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60	61	62	63	64	65	66	67	68	69	70	71	72	73	74	75	76	77	78	79	80	81	82	83	84	85	86	87	88	89	90	91	92	93	94	95	96	97	98	99	100
---------	---	---	---	---	---	---	---	---	---	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	-----

THANH MẠNH KHUÊ T. 170
VÀ CÁC SẢN PHẨM TỰ DO

1998-1999 1999-2000 2000-2001 2001-2002 2002-2003 2003-2004 2004-2005 2005-2006 2006-2007 2007-2008 2008-2009 2009-2010 2010-2011 2011-2012 2012-2013 2013-2014 2014-2015 2015-2016 2016-2017 2017-2018 2018-2019 2019-2020 2020-2021 2021-2022 2022-2023 2023-2024 2024-2025 2025-2026 2026-2027 2027-2028 2028-2029 2029-2030 2030-2031 2031-2032 2032-2033 2033-2034 2034-2035 2035-2036 2036-2037 2037-2038 2038-2039 2039-2040 2040-2041 2041-2042 2042-2043 2043-2044 2044-2045 2045-2046 2046-2047 2047-2048 2048-2049 2049-2050 2050-2051 2051-2052 2052-2053 2053-2054 2054-2055 2055-2056 2056-2057 2057-2058 2058-2059 2059-2060 2060-2061 2061-2062 2062-2063 2063-2064 2064-2065 2065-2066 2066-2067 2067-2068 2068-2069 2069-2070 2070-2071 2071-2072 2072-2073 2073-2074 2074-2075 2075-2076 2076-2077 2077-2078 2078-2079 2079-2080 2080-2081 2081-2082 2082-2083 2083-2084 2084-2085 2085-2086 2086-2087 2087-2088 2088-2089 2089-2090 2090-2091 2091-2092 2092-2093 2093-2094 2094-2095 2095-2096 2096-2097 2097-2098 2098-2099 2099-2100 2100-2101 2101-2102 2102-2103 2103-2104 2104-2105 2105-2106 2106-2107 2107-2108 2108-2109 2109-2110 2110-2111 2111-2112 2112-2113 2113-2114 2114-2115 2115-2116 2116-2117 2117-2118 2118-2119 2119-2120 2120-2121 2121-2122 2122-2123 2123-2124 2124-2125 2125-2126 2126-2127 2127-2128 2128-2129 2129-2130 2130-2131 2131-2132 2132-2133 2133-2134 2134-2135 2135-2136 2136-2137 2137-2138 2138-2139 2139-2140 2140-2141 2141-2142 2142-2143 2143-2144 2144-2145 2145-2146 2146-2147 2147-2148 2148-2149 2149-2150 2150-2151 2151-2152 2152-2153 2153-2154 2154-2155 2155-2156 2156-2157 2157-2158 2158-2159 2159-2160 2160-2161 2161-2162 2162-2163 2163-2164 2164-2165 2165-2166 2166-2167 2167-2168 2168-2169 2169-2170 2170-2171 2171-2172 2172-2173 2173-2174 2174-2175 2175-2176 2176-2177 2177-2178 2178-2179 2179-2180 2180-2181 2181-2182 2182-2183 2183-2184 2184-2185 2185-2186 2186-2187 2187-2188 2188-2189 2189-2190 2190-2191 2191-2192 2192-2193 2193-2194 2194-2195 2195-2196 2196-2197 2197-2198 2198-2199 2199-2200 2200-2201 2201-2202 2202-2203 2203-2204 2204-2205 2205-2206 2206-2207 2207-2208 2208-2209 2209-2210 2210-2211 2211-2212 2212-2213 2213-2214 2214-2215 2215-2216 2216-2217 2217-2218 2218-2219 2219-2220 2220-2221 2221-2222 2222-2223 2223-2224 2224-2225 2225-2226 2226-2227 2227-2228 2228-2229 2229-2230 2230-2231 2231-2232 2232-2233 2233-2234 2234-2235 2235-2236 2236-2237 2237-2238 2238-2239 2239-2240 2240-2241 2241-2242 2242-2243 2243-2244 2244-2245 2245-2246 2246-2247 2247-2248 2248-2249 2249-2250 2250-2251 2251-2252 2252-2253 2253-2254 2254-2255 2255-2256 2256-2257 2257-2258 2258-2259 2259-2260 2260-2261 2261-2262 2262-2263 2263-2264 2264-2265 2265-2266 2266-2267 2267-2268 2268-2269 2269-2270 2270-2271 2271-2272 2272-2273 2273-2274 2274-2275 2275-2276 2276-2277 2277-2278 2278-2279 2279-2280 2280-2281 2281-2282 2282-2283 2283-2284 2284-2285 2285-2286 2286-2287 2287-2288 2288-2289 2289-229

184 HAN VU ET AL.

TIỀN HẠ YẾN

 UDM CHANNEL TYPE |

Page 10 of 10

01

[illegible]

QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG

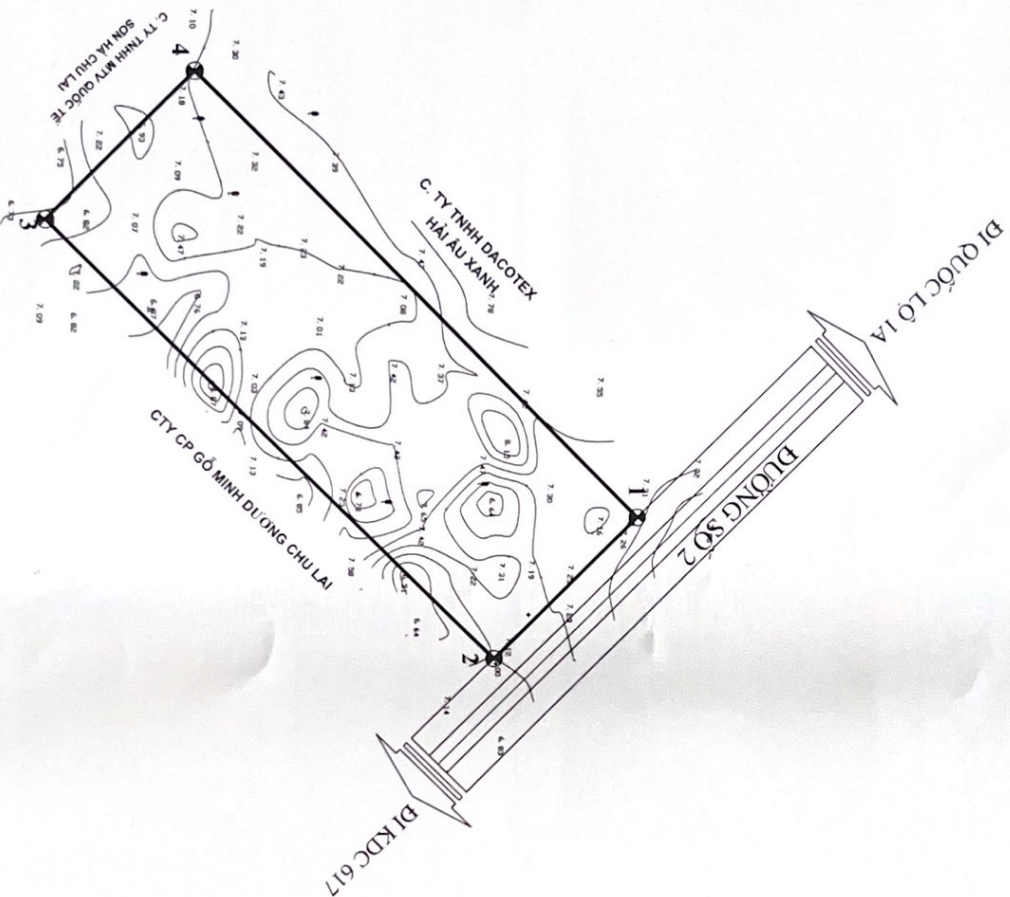
NHÀ MÁY SẢN XUẤT TINH DẦU TRÂM VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ TRÂM HƯƠNG

ĐỊA ĐIỂM: LÔ 11B, KCN BẮC CHUỖI A XÃ THẠCH ANH QUẬN THẠNH PHƯỚC TP HCM

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH PHÚ HÂN GROUP

HIỆN TRẠNG KHU ĐẤT

(Kèm theo Công văn số...../KTCN_QHDT ngày...../10/2025 của Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp Quảng Nam)



*GHI CHÚ:	KÝ HIỆU
- DÒNG NHƯA	==
- HỒ GÀ THOAT NƯỚC	■
- ĐƯỜNG ĐỒNG MŨC (Bề mặt cao 0,1m)	
- CAO ĐỘ TỰ NHIÊN (m)	6,52
- KINH GIỚI KHU DẤT	
Diện tích 1,17ha	
Hiện trạng là đất rừng	



天仁藥房

CONG TV THROUGH THEFT KILL & THE CON
A CENTER

60417C - 0001C00

60417C-0001C0

RECURRING REVENUE

OUR NEW 50th ANNIVERSARY PROJECT MANUAL

103. *Phragmites australis* (Cav.) Trin. ex Steud.

COPIES OF THE CONSENT

173. *Phyllanthus* *sp.* (Chenopodiaceae)

német - magyar

www.mhhe.com/9780070634684

NEW YORK RECORDING

THE 100 MOST INFLUENTIAL

SUM	AVG	NO. OF
-----	-----	--------

--

--	--	--

EDUCATION: BBA - FINANCIAL

VA CAC SÂN PHAM TỰ TRÁI

Full Name: _____

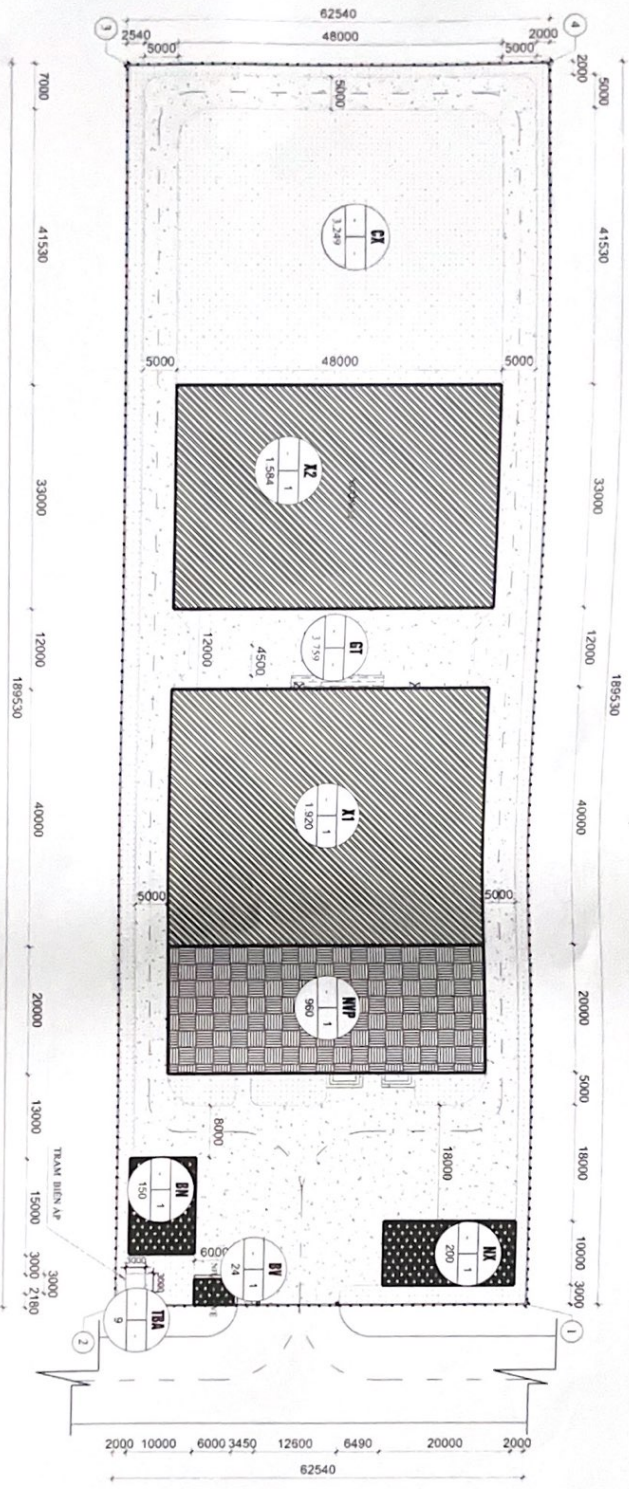
1

--	--

UCLA - DOCUMENT FIVE

8

QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG
DỰ ÁN: NHÀ MÁY SẢN XUẤT TINH DẦU TRÀM VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ TRÀM HƯƠNG
ĐỊA ĐIỂM: LÔ 11B, KCN BẮC CHU LAI, XÃ NÚI THÀNH, TP DÀ NẴNG.
CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH PHÚ LÚAN GROUP
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT
 (Kèm theo Công văn số.../JKTCN_QHĐT ngày.../10/2025 của Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp Quảng Nam)



STT	Chức năng sử dụng đất	Ký hiệu	Diện tích xây dựng (m ²)	Tầng cao (tầng)	Chiều cao tối đa (m)	Tỷ lệ (%)
1	Đất xây dựng công trình		4,847			40.88
4	Công trình kiến trúc chính		4,823			40.68
1	Nhà văn phòng	NP	960	1	7	
2	Xưởng 1	X1	1,920	1	10.6	
3	Xưởng 2	X2	1,584	1	10.6	
4	Nhà xe	NX	200	1	5.50	
5	Bể nước PCCC	BN	150	1	3.9	
6	Trạm biến áp	TBA	9	1	5	
B	Công trình phụ trợ		24			0.20
7	Nhà kho	BV	24	1	3.6	
11	Đất cây xanh	CX	3,249			27.41
111	Sân bãi, giao thông nội bộ		3,759			31.71
	Tổng		11,855			100.00

STT	Loại chức năng sử dụng của lô đất	Ký hiệu Quy hoạch
1	Đất công trình sản xuất công nghiệp chính, TTCN, kho	
2	Nhà văn phòng	
3	Đất cây xanh	
4	Dương giao thông	
5	Đất CT hạ tầng kỹ thuật phụ trợ khác	



CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ & THƯƠNG MẠI
PHÚ LÚAN GROUP
 A CENTER
 04

ĐỊA ĐIỂM: LỘ 11B, KCN BẮC CỬU

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CHU LẠI, XÃ NÚI THÀNH, TP DÀ NẴNG.

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH KIẾN TRÚC CẢNH QUAN

(Kèm theo Công văn số...../KTCN_QHDT ngày...../10/2025 của Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp Quảng Nam)



CÔNG TY THIẾT KẾ & THAI CÔNG
A.CENTER

Case file number

[illegible][illegible]

1997, 1998, 1999, 2000, 2001, 2002, 2003, 2004, 2005, 2006, 2007, 2008, 2009, 2010, 2011, 2012, 2013, 2014, 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020, 2021, 2022, 2023, 2024, 2025, 2026, 2027, 2028, 2029, 2030, 2031, 2032, 2033, 2034, 2035, 2036, 2037, 2038, 2039, 2040, 2041, 2042, 2043, 2044, 2045, 2046, 2047, 2048, 2049, 2050, 2051, 2052, 2053, 2054, 2055, 2056, 2057, 2058, 2059, 2060, 2061, 2062, 2063, 2064, 2065, 2066, 2067, 2068, 2069, 2070, 2071, 2072, 2073, 2074, 2075, 2076, 2077, 2078, 2079, 2080, 2081, 2082, 2083, 2084, 2085, 2086, 2087, 2088, 2089, 2090, 2091, 2092, 2093, 2094, 2095, 2096, 2097, 2098, 2099, 2100, 2101, 2102, 2103, 2104, 2105, 2106, 2107, 2108, 2109, 2110, 2111, 2112, 2113, 2114, 2115, 2116, 2117, 2118, 2119, 2120, 2121, 2122, 2123, 2124, 2125, 2126, 2127, 2128, 2129, 2130, 2131, 2132, 2133, 2134, 2135, 2136, 2137, 2138, 2139, 2140, 2141, 2142, 2143, 2144, 2145, 2146, 2147, 2148, 2149, 2150, 2151, 2152, 2153, 2154, 2155, 2156, 2157, 2158, 2159, 2160, 2161, 2162, 2163, 2164, 2165, 2166, 2167, 2168, 2169, 2170, 2171, 2172, 2173, 2174, 2175, 2176, 2177, 2178, 2179, 2180, 2181, 2182, 2183, 2184, 2185, 2186, 2187, 2188, 2189, 2190, 2191, 2192, 2193, 2194, 2195, 2196, 2197, 2198, 2199, 2200, 2201, 2202, 2203, 2204, 2205, 2206, 2207, 2208, 2209, 2210, 2211, 2212, 2213, 2214, 2215, 2216, 2217, 2218, 2219, 2220, 2221, 2222, 2223, 2224, 2225, 2226, 2227, 2228, 2229, 2230, 2231, 2232, 2233, 2234, 2235, 2236, 2237, 2238, 2239, 2240, 2241, 2242, 2243, 2244, 2245, 2246, 2247, 2248, 2249, 2250, 2251, 2252, 2253, 2254, 2255, 2256, 2257, 2258, 2259, 2260, 2261, 2262, 2263, 2264, 2265, 2266, 2267, 2268, 2269, 2270, 2271, 2272, 2273, 2274, 2275, 2276, 2277, 2278, 2279, 2280, 2281, 2282, 2283, 2284, 2285, 2286, 2287, 2288, 2289, 2290, 2291, 2292, 2293, 2294, 2295, 2296, 2297, 2298, 2299, 2300, 2301, 2302, 2303, 2304, 2305, 2306, 2307, 2308, 2309, 2310, 2311, 2312, 2313, 2314, 2315, 2316, 2317, 2318, 2319, 2320, 2321, 2322, 2323, 2324, 2325, 2326, 2327, 2328, 2329, 2330, 2331, 2332, 2333, 2334, 2335, 2336, 2337, 2338, 2339, 2340, 2341, 2342, 2343, 2344, 2345, 2346, 2347, 2348, 2349, 2350, 2351, 2352, 2353, 2354, 2355, 2356, 2357, 2358, 2359, 2360, 2361, 2362, 2363, 2364, 2365, 2366, 2367, 2368, 2369, 2370, 2371, 2372, 2373, 2374, 2375, 2376, 2377, 2378, 2379, 2380, 2381, 2382, 2383, 2384, 2385, 2386, 2387, 2388, 2389, 2390, 2391, 2392, 2393, 2394, 2395, 2396, 2397, 2398, 2399, 2400, 2401, 2402, 2403, 2404, 2405, 2406, 2407, 2408, 2409, 2410, 2411, 2412, 2413, 2414, 2415, 2416, 2417, 2418, 2419, 2420, 2421, 2422, 2423, 2424, 2425, 2426, 2427, 2428, 2429, 2430, 2431, 2432, 2433, 2434, 2435, 2436, 2437, 2438, 2439, 2440, 2441, 2442, 2443, 2444, 2445, 2446, 2447, 2448, 2449, 2450, 2451, 2452, 2453, 2454, 2455, 2456, 2457, 2458, 2459, 2460, 2461, 2462, 2463, 2464, 2465, 2466, 2467, 2468, 2469, 2470, 2471, 2472, 2473, 2474, 2475, 2476, 2477, 2478, 2479, 2480, 2481, 2482, 2483, 2484, 2485, 2486, 2487, 2488, 2489, 2490, 2491, 2492, 2493, 2494, 2495, 2496, 2497, 2498, 2499, 2500, 2501, 2502, 2503, 2504, 2505, 2506, 2507, 2508, 2509, 2510, 2511, 2512, 2513, 2514, 2515, 2516, 2517, 2518, 2519, 2520, 2521, 2522, 2523, 2524, 2525, 2526, 2527, 2528, 2529, 2530, 2531, 2532, 2533, 2534, 2535, 2536, 2537, 2538, 2539, 2540, 2541, 2542, 2543, 2544, 2545, 2546, 2547, 2548, 2549, 2550, 2551, 2552, 2553, 2554, 2555, 2556, 2557, 2558, 2559, 2560, 2561, 2562, 2563, 2564, 2565, 2566, 2567, 2568, 2569, 2570, 2571, 2572, 2573, 2574, 2575, 2576, 2577, 2578, 2579, 2580, 2581, 2582, 2583, 2584, 2585, 2586, 2587, 2588, 2589, 2590, 2591, 2592, 2593, 2594, 2595, 2596, 2597, 2598, 2599, 2600, 2601, 2602, 2603, 2604, 2605, 2606, 2607, 2608, 2609, 2610, 2611, 2612, 2613, 2614, 2615, 2616, 2617, 2618, 2619, 2620, 2621, 2622, 2623, 2624, 2625, 2626, 2627, 2628, 2629, 2630, 2631, 2632, 2633, 2634, 2635, 2636, 2637, 2638, 2639, 2640, 2641, 2642, 2643, 2644, 2645, 2646, 2647, 2648, 2649, 2650, 2651, 2652, 2653, 2654, 2655, 2656, 2657, 2658, 2659, 2660, 2661, 2662, 2663, 2664, 2665, 2666, 2667, 2668, 2669, 2670, 2671, 2672, 2673, 2674, 2675, 2676, 2677, 2678, 26

ETS member business members
Only the benefit of China's economy

10

1

	
--	--

10

RECEIVED: 10/1/97

NAME: _____	DATE: _____
-------------	-------------

[illegible]

DATE	CONSTRUCTION	REMARKS

WEEK 1	WEEK 2	WEEK 3	WEEK 4	WEEK 5	WEEK 6	WEEK 7	WEEK 8	WEEK 9	WEEK 10	WEEK 11	WEEK 12	WEEK 13	WEEK 14	WEEK 15	WEEK 16	WEEK 17	WEEK 18	WEEK 19	WEEK 20	WEEK 21	WEEK 22	WEEK 23	WEEK 24	WEEK 25	WEEK 26	WEEK 27	WEEK 28	WEEK 29	WEEK 30	WEEK 31	WEEK 32	WEEK 33	WEEK 34	WEEK 35	WEEK 36	WEEK 37	WEEK 38	WEEK 39	WEEK 40	WEEK 41	WEEK 42	WEEK 43	WEEK 44	WEEK 45	WEEK 46	WEEK 47	WEEK 48	WEEK 49	WEEK 50	WEEK 51	WEEK 52
--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------	--------	---------	---------	---------	---------	---------	---------	---------	---------	---------	---------	---------	---------	---------	---------	---------	---------	---------	---------	---------	---------	---------	---------	---------	---------	---------	---------	---------	---------	---------	---------	---------	---------	---------	---------	---------	---------	---------	---------	---------	---------	---------	---------	---------

WACHSBERG, MICHAEL T. / THE TRIUMPH OF THE...

COD

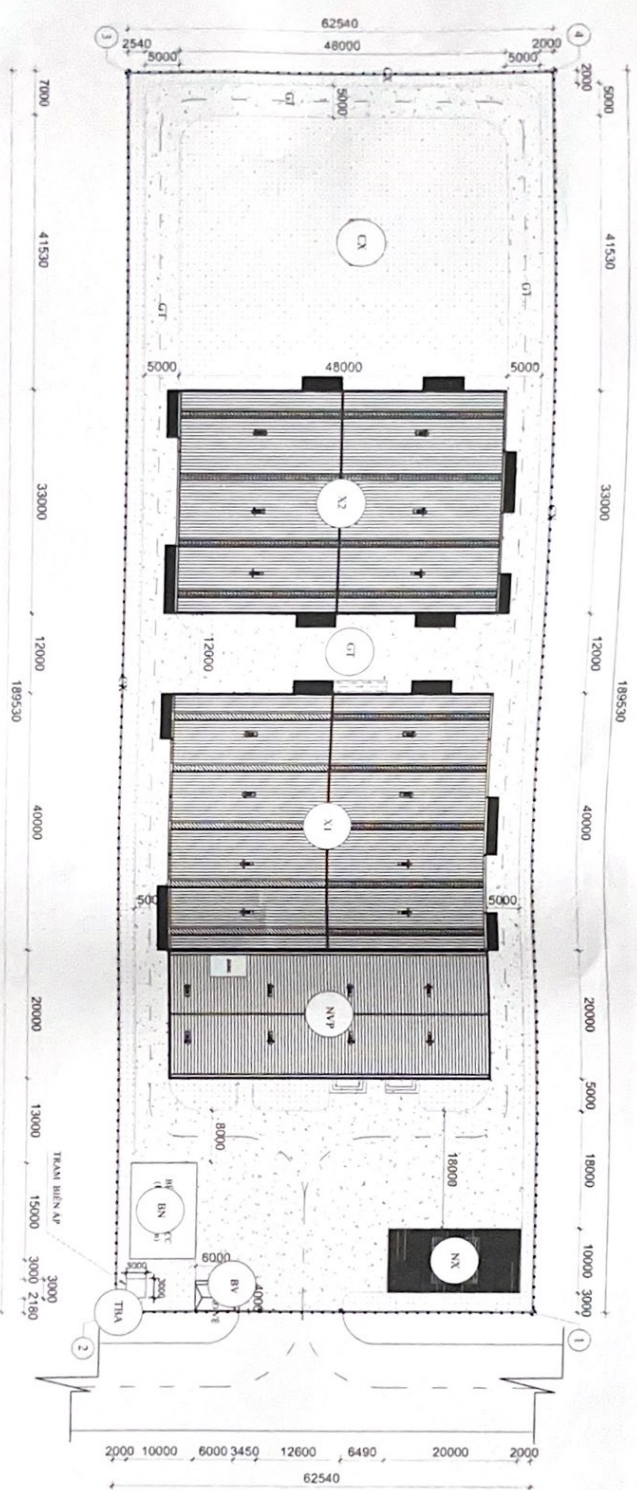
off to back of - Completed 11/11

HÀN DO QUY HOẠCH
KIẾN TRÚC CẢNH

you

Class Description:	1996
--------------------	------

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	47	48	49	50	51	52	53	54	55	56	57	58	59	60	61	62	63	64	65	66	67	68	69	70	71	72	73	74	75	76	77	78	79	80	81	82	83	84	85	86	87	88	89	90	91	92	93	94	95	96	97	98	99	100
---	---	---	---	---	---	---	---	---	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	-----

[illegible]

STT	Chức năng sử dụng đất	Ký hiệu	Diện tích xây dựng (m ²)	Tầng cao (tầng)	Chiều cao tối đa (m)	Tỷ lệ (%)
1	Đất xây dựng công trình		4.847			40,88
4	Công trình kiến trúc chính		4.823			40,68
1	Nhà văn phòng	NVP	960	1	7	
2	Khuong 1	X1	1.920	1	10,6	
3	Khuong 2	X2	1.584	1	10,6	
4	Nhà xe	NX	200	1	5,50	
5	Bể nước PCCC	BN	150	1	3,9	
6	Trạm biến áp	TBA	9	1	5	
B	Công trình phụ trợ		24			0,20
7	Nhà bảo vệ	BV	24	1	3,6	
11	Đất cây xanh	CX	3.249			27,41
III	Sân bãi, giao thông nội bộ		3.759			31,71
Tổng			11.855			100,00
						4
						X = 593029,84
						Y = 1708188,63
						Y = 1708232,43
						Y = 1708279,55
						Y = 1708374,44
						Y = 1708443,78

	XI.XC	NHÀ XUẤT B NHÀ XUẤT Đ.
	BV	NHÀ ĐỒ VẼ
	NX	NHÀ XE
	NVP	NHÀ VĂN PHÒNG
	QT	SÂN BAY - GIAO THÔNG
	CX	CÁY XANH
	BN	HỆ NƯỚC PHÒNG CHUYỂN CHUYỂN CHAY
	TĐA	TRẦN HIẾN ÁP

[illegible]

QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG

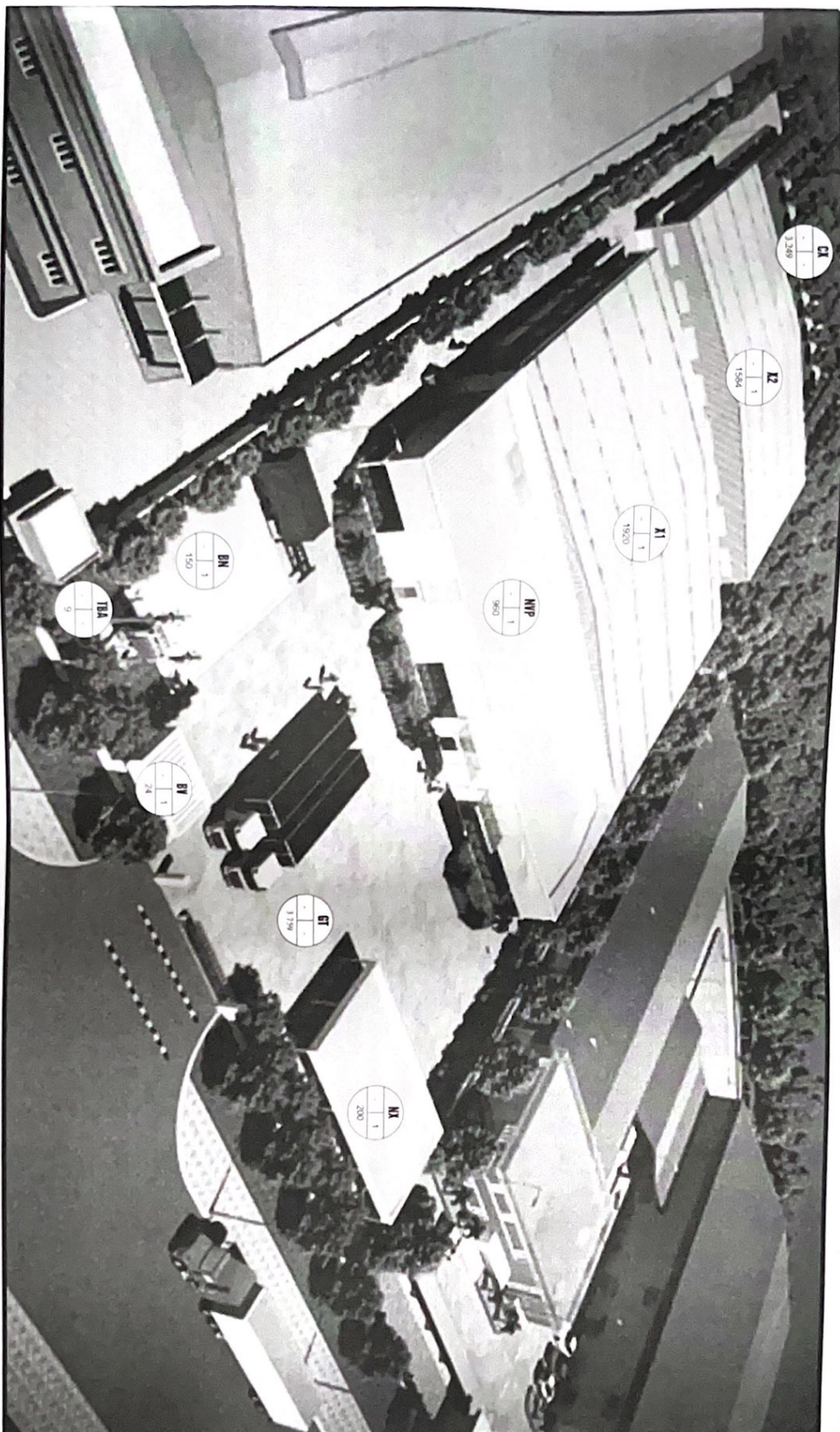
DỰ ÁN: NHÀ MÁY SẢN XUẤT TINH DẦU TRÀM VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ TRÀM HƯƠNG

ĐỊA ĐIỂM: LÔ 11B, KCN BẮC CHU LẠI, XÃ NÚI THÀNH, TP DÀ NẴNG.

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH PHÚ LÚAN GROUP

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH PHỐI CẢNH TỔNG THỂ

(Kèm theo Công văn số.../KTCN_QHDT ngày.../10/2025 của Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp Quảng Nam)



CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ & TƯ VẤN

A CENTER

ĐƠN VỊ: ...

.../.../...

.../.../...

.../.../...

.../.../...

.../.../...

.../.../...

.../.../...

.../.../...

.../.../...

.../.../...

.../.../...

Ký hiệu loại đất

Tầng cao TB

Diện tích (m²)

06

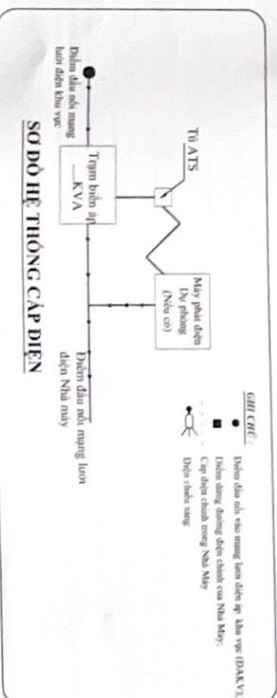
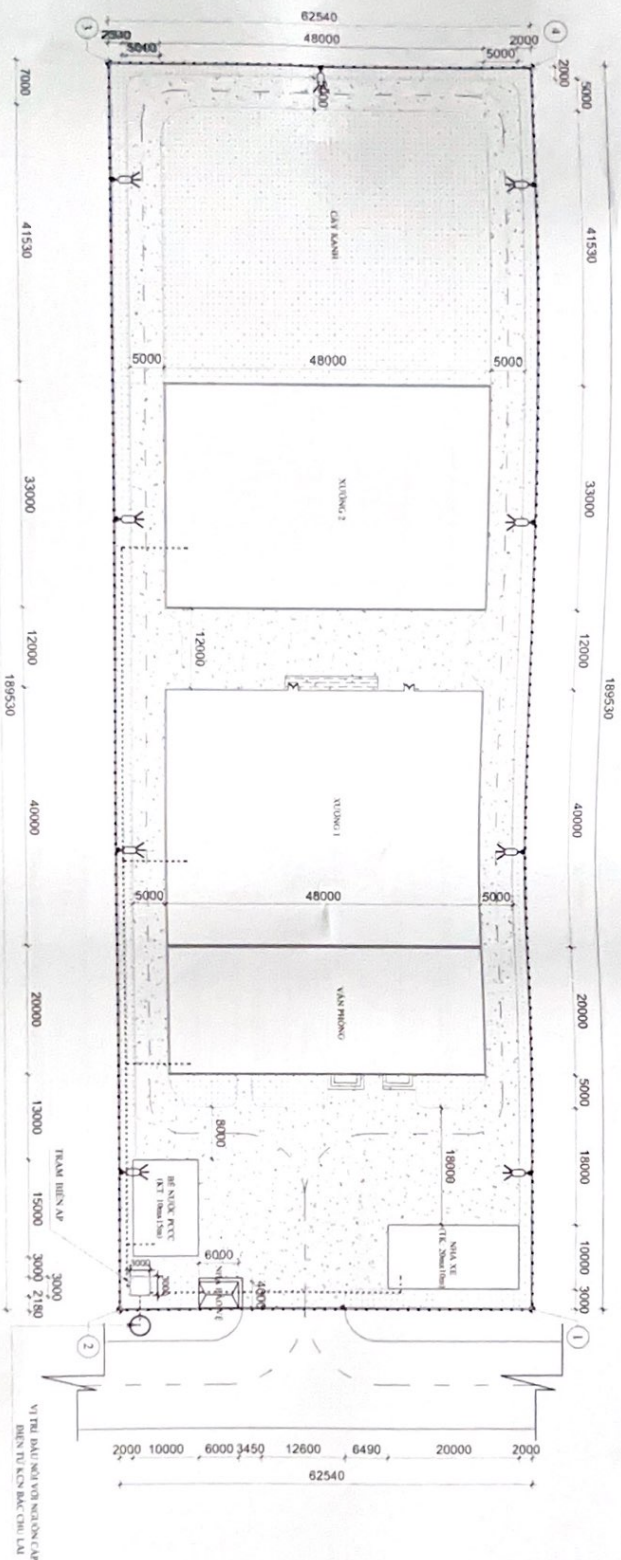
DỰ ÁN: NHÀ MÁY SẢN XUẤT TINH DẦU TRÂM VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ TÊN TÊN

ĐỊA ĐIỂM: LỘ 11B, KCN BẮC CHU LẠI XÃ NÚT THƯỜNG AN HUYỆN

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH PHÚ LUÂN GROUP

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG CẤP ĐIỆN

(Kèm theo Công văn số...../K&ICN_QHĐT ngày...../10/2025 của Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp Quảng Nam)

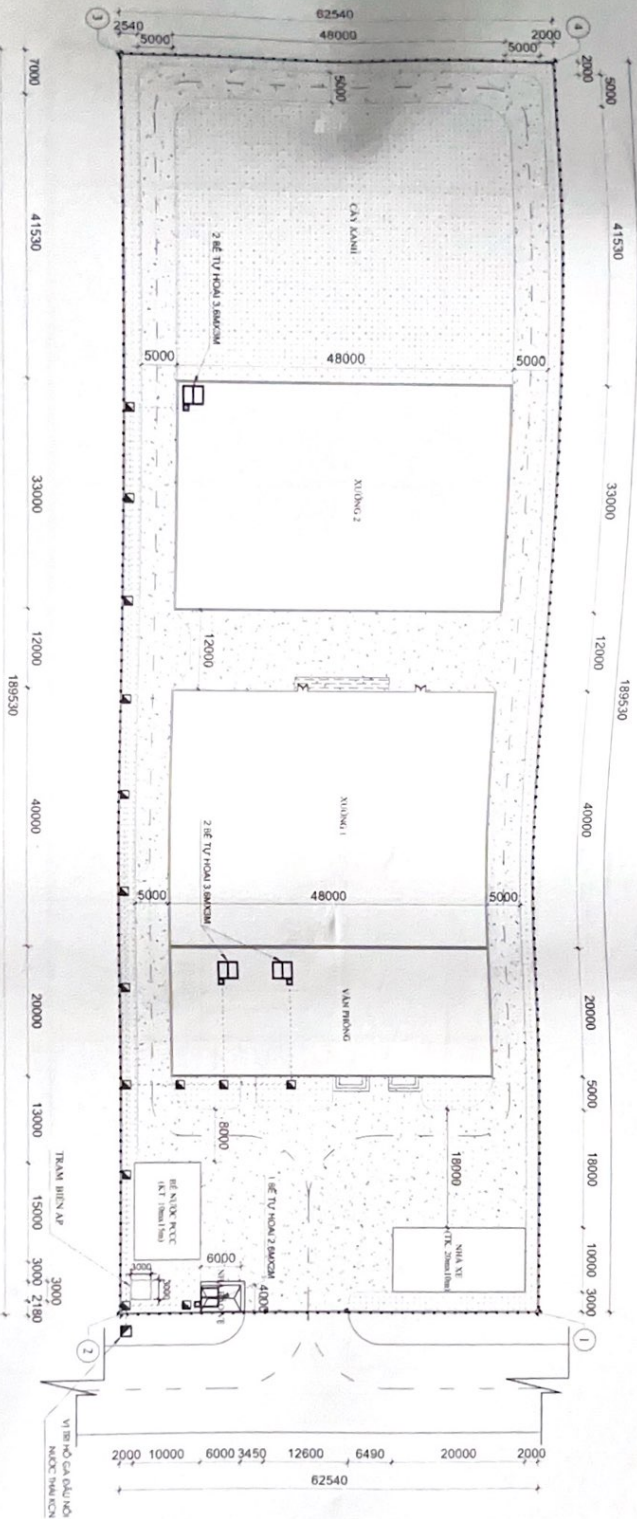
[illegible]

ĐỊA ĐIỂM: LỘ 11B KINH Đ

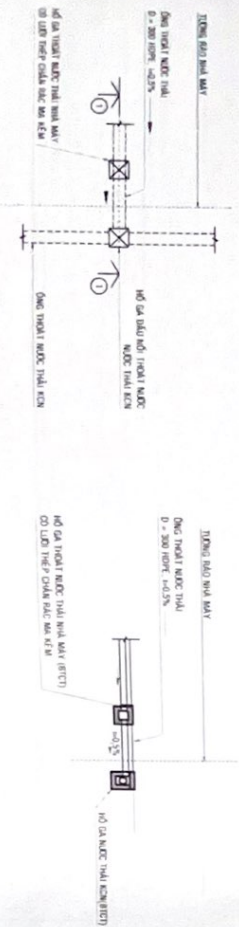
CHỦ DẦU TƯ CÔNG - XÃ NÚI THÀNH, TP ĐÀ NẴNG.

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẬT BẢNG THOÁT NƯỚC THẢI

(Kèm theo Công văn số...../KN/CN_QĐĐT ngày...../10/2025 của Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp Quảng Nam)



• BÀN VỀ TRÍCH DẦU NỔI THOÁT NƯỚC THẢI



MẶT BẰNG

CẤU 1-1

[illegible]

CHU ĐÀU TƯ: CÔNG TY TNHH PHÚ LÚAN GROUP

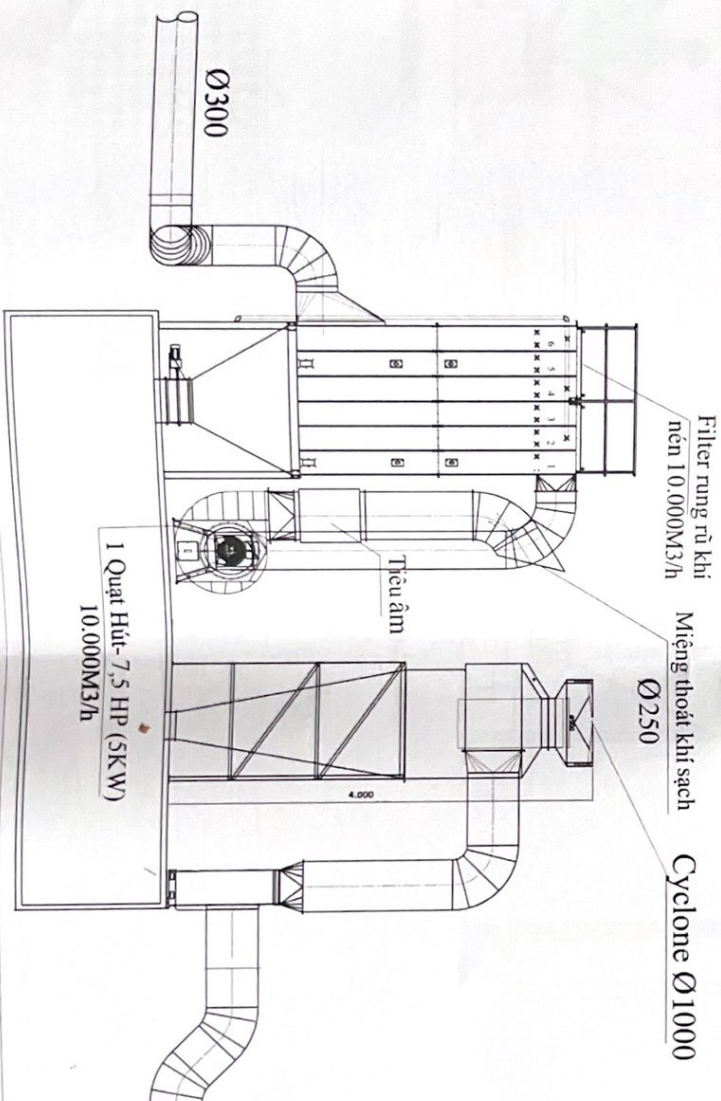
MẶT BẰNG ĐƯỜNG ĐỒNG MỨC SẢN NỀN



* GHI CHÚ: VỊ TRÍ CAO NHẤT COTE +7.77, VỊ TRÍ THẤP NHẤT COTE +7.30

[illegible]

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH PHÚ LÂN GROUP



WILLIAMS • BROTHERS

coming to their aid at the Chicago
A.C. Center

Chăm sóc - Duyệt

Neurotrophin receptor tyrosine kinases

Product Name

med mal practice - Over 100

100% PAPER, RECYCLED PAPER

THE NATIONAL ONCOLOGY INSTITUTE

MEMBER: CHICAGO

RELAY CABLE	NOI (CABLE) 11 CABLE 11
----------------	----------------------------

[illegible][illegible][illegible][illegible]

--	--

MAY NOW MEET WITH

ALL BOOK PRICES IN DOLLARS

10

10

ĐỒ DẪN

ĐÌNH ĐOÀN NG

DISCUSSION

THE QUALITY OF THE

02

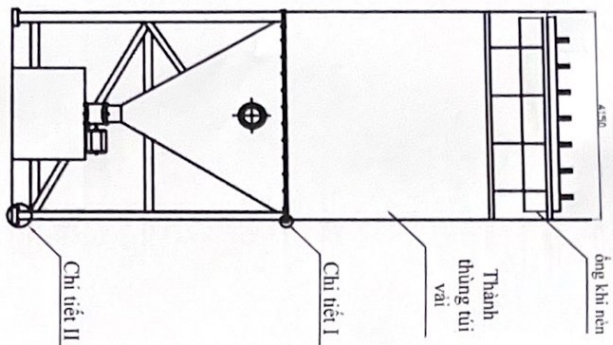
1

DỰ ÁN: NHÀ MÁY SẢN XUẤT TINH DẦU TRÀM VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ TRÀM HƯƠNG

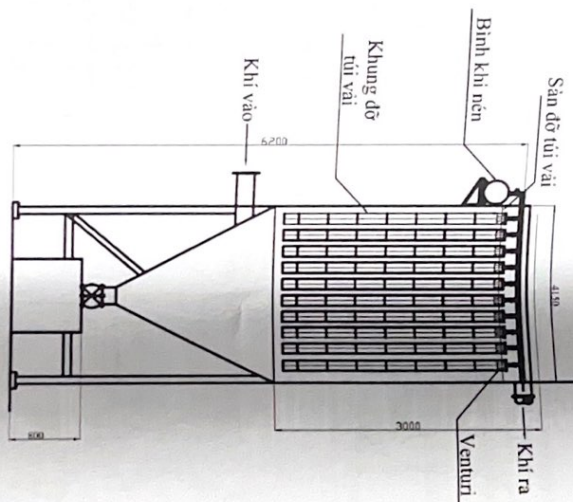
ĐỊA ĐIỂM: LÔ 11B, KCN BẮC CHU LẠI, XÃ NÚI THÀNH, TP ĐÀ NẴNG.

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH PHỤ LƯÂN GROUP

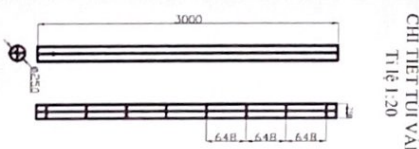
BẢN VẼ CHI TIẾT TÚI LỌC BỤI



CHIỀU ĐỨNG



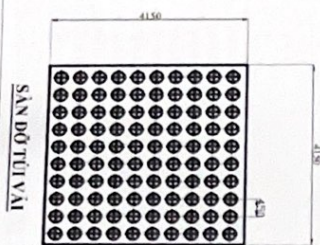
CHIỀU CẠNH



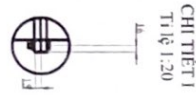
CHI TIẾT TÚI VẢI
Tỉ lệ 1:20



CHI TIẾT ỐNG BÍCH VÀO
Tỉ lệ 1:20



SÀN ĐỠ TÚI VẢI



CHI TIẾT I
Tỉ lệ 1:20



CHI TIẾT II
Tỉ lệ 1:20



CÔNG TY TNHH THIẾT KẾ & TẠO CÔNG
ACENTER

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH PHỤ LƯÂN GROUP

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH PHỤ LƯÂN GROUP

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH PHỤ LƯÂN GROUP

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH PHỤ LƯÂN GROUP

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH PHỤ LƯÂN GROUP

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH PHỤ LƯÂN GROUP

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH PHỤ LƯÂN GROUP

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH PHỤ LƯÂN GROUP

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH PHỤ LƯÂN GROUP

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH PHỤ LƯÂN GROUP

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH PHỤ LƯÂN GROUP

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH PHỤ LƯÂN GROUP

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH PHỤ LƯÂN GROUP

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH PHỤ LƯÂN GROUP

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH PHỤ LƯÂN GROUP

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH PHỤ LƯÂN GROUP

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH PHỤ LƯÂN GROUP

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH PHỤ LƯÂN GROUP

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH PHỤ LƯÂN GROUP

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH PHỤ LƯÂN GROUP

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH PHỤ LƯÂN GROUP

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH PHỤ LƯÂN GROUP

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH PHỤ LƯÂN GROUP

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH PHỤ LƯÂN GROUP

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH PHỤ LƯÂN GROUP

CÔNG TY TNHH PHÚ LUÂN GROUP

HƯỚNG DẪN VẬN HÀNH

HỆ THỐNG XỬ LÝ BỤI TỪ CÔNG ĐOẠN NGHIỀN
DỰ ÁN: NHÀ MÁY SẢN XUẤT TINH DẦU TRÀM VÀ CÁC SẢN PHẨM
TỪ TRÀM HƯƠNG

ĐỊA ĐIỂM: LÔ 11B, KCN BẮC CHU LAI, XÃ NÚI THÀNH

Núi Thành, tháng 11/20235

HƯỚNG DẪN VẬN HÀNH

HỆ THỐNG XỬ LÝ BỤI TỪ CÔNG ĐOẠN NGHIỀN PHỤC VỤ CHO NHÀ MÁY SẢN XUẤT TINH DẦU TRÀM VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ TRÀM HƯƠNG

1. Mục đích

Hướng dẫn vận hành đúng quy trình hệ thống xử lý bụi phát sinh từ công đoạn nghiền phục vụ cho nhà máy sản xuất tinh dầu tràm và các sản phẩm từ tràm hương:

- Đảm bảo khả năng thu gom và xử lý bụi đạt hiệu suất tối thiểu 90% so với nồng độ bụi đầu vào, theo thông số thiết kế và điều kiện vận hành thực tế
- Đảm bảo an toàn tuyệt đối cho người vận hành thông qua việc tuân thủ các quy định về trang bị bảo hộ cá nhân, trình tự khởi động – dừng máy, và xử lý sự cố.
- Ngăn ngừa các rủi ro hỏng hóc, cháy nổ do bụi gỗ gây ra, thông qua kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ và giám sát tình trạng thiết bị trong suốt quá trình hoạt động. Giảm thiểu ô nhiễm môi trường, tuân thủ quy định pháp luật.
- Tuân thủ các yêu cầu trong Luật Bảo vệ môi trường 2020, các nghị định, thông tư hướng dẫn, cũng như các tiêu chuẩn nội bộ về quản lý chất lượng và môi trường (ISO 14001 nếu áp dụng).

2. Nguyên lý hoạt động

- a. Bụi từ máy viên nén được dẫn theo đường ống vào Cyclon.
- b. Cyclon tách sơ bộ bụi thô bằng lực ly tâm, bụi rơi xuống phễu chứa.
- c. Khí đã tách bụi sơ bộ được quạt hút hút vào thiết bị lọc bụi túi vải.
- d. Túi vải giữ lại hạt bụi mịn, khí sạch thoát ra môi trường qua ống xả.
- e. Bụi thu được tháo ra và sử dụng để sản xuất.

3. Chuẩn bị trước khi vận hành

3.1. Kiểm tra hệ thống đường ống, van và mối nối

- Quan sát toàn bộ tuyến ống dẫn bụi từ nguồn phát sinh đến thiết bị xử lý, bao gồm cả các nhánh và đoạn ống chính.
- Đảm bảo các mối nối kín khít, không có hiện tượng rò rỉ bụi hoặc khí.
- Kiểm tra tình trạng các van, cửa thăm (cửa kiểm tra) và gioăng làm kín, đảm bảo không hở và dễ dàng thao tác khi cần bảo trì.

3.2. Kiểm tra tình trạng thiết bị Cyclon

- Kiểm tra thân Cyclon không bị thủng, móp méo hoặc biến dạng cơ học.
- Đảm bảo các mối hàn, mặt bích và đường ống kết nối không rò khí.
- Kiểm tra cửa tháo bụi và phễu chứa bụi: cửa đóng kín, gioăng cao su nguyên vẹn, bụi trong phễu không vượt quá 20–30% dung tích để tránh giảm hiệu quả tách bụi.

3.3. Kiểm tra quạt hút

- Nếu quạt truyền động bằng dây curoa: kiểm tra độ căng của dây, không trùng, không sòn rách.
- Nếu quạt truyền động trực tiếp: kiểm tra khớp nối, đảm bảo siết chặt.
- Kiểm tra bạc đạn (ổ bi) đã được bôi trơn đầy đủ, quay trơn, không có tiếng kêu bất thường khi quay thử bằng tay.
- Đảm bảo quạt hút cố định chắc chắn trên bệ, không rung lắc tự do.

3.4. Kiểm tra thiết bị lọc bụi túi vải

- Kiểm tra từng túi lọc: nguyên vẹn, không rách, không thủng, và được lắp đúng vị trí, cố định chặt vào khung giữ.
- Kiểm tra hệ thống giữ bụi (rung cơ học hoặc khí nén): đảm bảo hoạt động bình thường, các van và cơ cấu điều khiển giữ bụi ở trạng thái sẵn sàng vận hành.
- Kiểm tra phễu chứa bụi bên dưới: không đầy quá mức quy định và cửa xả bụi đóng kín.

3.5. Kiểm tra nguồn điện và hệ thống điều khiển

- Đảm bảo aptomat, cầu dao, công tắc điều khiển của hệ thống ở trạng thái OFF trước khi tiến hành bất kỳ thao tác khởi động nào.
- Kiểm tra đèn báo nguồn, đồng hồ đo áp suất và các thiết bị giám sát khác (nếu có), đảm bảo chúng ở trạng thái sẵn sàng làm việc.

3.6. Trang bị bảo hộ cá nhân

- Người vận hành phải được trang bị đầy đủ khẩu trang chống bụi mịn, kính bảo hộ, nút tai chống ồn và găng tay bảo hộ.
- Quần áo bảo hộ phải gọn gàng, không có chi tiết vướng mắc dễ bị cuốn vào thiết bị quay.

4. Quy trình vận hành

Bước 1: Khởi động hệ thống hút bụi theo thứ tự:

- a. Mở nguồn điện tổng.

- b. Khởi động **quạt hút**.
- c. Khởi động hệ thống sản xuất (máy nghiền)

Bước 2: Trong quá trình hoạt động:

- a. Theo dõi áp suất và lưu lượng khí qua đồng hồ (nếu có).
- b. Kiểm tra tiếng ồn, rung động của quạt hút và Cyclon.
- c. Đảm bảo dòng khí ổn định, không bị rò bụi ra ngoài.

Bước 3: Dừng hệ thống:

- a. Ngừng cấp nguyên liệu vào máy nén viên.
- b. Cho quạt hút chạy thêm 3–5 phút để hút sạch bụi còn lại trong đường ống.
- c. Tắt quạt hút.
- d. Ngắt nguồn điện tổng.

5. Lưu ý an toàn và bảo trì

- Giữ bụi túi vải định kỳ theo khuyến cáo của nhà sản xuất (hoặc khi áp suất tăng cao).
- Thu gom bụi trong phễu Cyclon và thùng chứa bụi túi vải hằng ngày.
- Không vận hành khi túi lọc rách hoặc quạt hút phát ra tiếng kêu bất thường.
- Bảo trì định kỳ: kiểm tra bạc đạn quạt hút, thay túi lọc, siết lại bulong mối nối.
- Luôn đeo bảo hộ khi tiếp xúc bụi gỗ để tránh bệnh về hô hấp.

6. Các sự cố thường gặp, nguyên nhân và biện pháp khắc phục

STT	Nhóm thiết bị	Sự cố	Nguyên nhân xảy ra sự cố	Biện pháp khắc phục
1	Cylone	Bụi thoát ra trên thành cyclon	- Tốc độ khí quá cao hoặc quá thấp → hiệu suất tách kém - Đường kính ống hút không đúng thiết kế - Mối nối rò rỉ	- Điều chỉnh lưu lượng khí đúng thông số thiết kế (kiểm tra công suất quạt) - Kiểm tra kích thước ống hút và chỉnh lại - Bịt kín các mối nối, thay gioăng
		Cyclon rung lắc mạnh	- Móng không cố định tốt - Quạt hút gây rung truyền- Cánh xoáy bên	- Gia cố bộ đỡ- Lắp giảm chấn cao su- Thay/điều chỉnh cánh xoáy

			trong bị mòn mất cân bằng	
		Bụi bám dày bên trong thành cyclon	- Bụi ẩm, dính - Vận tốc khí thấp	- Điều chỉnh độ ẩm nguyên liệu - Tăng vận tốc hút đúng tiêu chu
2	Quạt hút	Tiếng ồn bất thường, rung mạnh	- Cánh quạt bám bụi mất cân bằng - Ổ bi khô mỡ, hỏng	- Vệ sinh cánh quạt định kỳ - Bôi trơn hoặc thay ổ bi
		Lưu lượng hút yếu	- Tắc nghẽn đường ống hoặc túi lọc - Cánh quạt mòn - Dây curoa trùng (nếu truyền đai)	- Kiểm tra và làm sạch đường ống/túi lọc - Thay cánh quạt nếu mòn - Chỉnh hoặc thay dây curoa
		Quạt quá nhiệt	- Bạc đạn khô mỡ- - Motor quá tải- Lưu lượng khí bị cản trở	- Bôi trơn- Kiểm tra ampe motor, giảm tải- Làm thông đường ống
3	Thiết bị lọc túi vải	Tăng áp suất chênh lệch (ΔP) bất thường	- Bụi bám dày, không được giữ - Túi lọc ẩm - Tắc nghẽn đường xả bụi	- Giữ bụi ngay lập tức - Kiểm soát độ ẩm nguyên liệu - Thông đường xả bụi
		Túi lọc rách hoặc thủng	- Vật cứng hút vàoLão hóa do nhiệt, các tác nhân từ bên ngoài. - Giữ bụi quá mạnh	- Thay túi mới - Lắp lưới chắn vật cứng - Điều chỉnh áp lực giữ bụi
		Khí thải vẫn còn bụi mịn	- Lắp sai túi lọc - Túi lọc bị thủng hoặc khe hở - Quạt hút công suất quá lớn, thời gian lọc ngắn	- Lắp lại đúng quy trình - Thay túi lọc - Điều chỉnh
4	Toàn hệ	Bụi phát tán	- Rò rỉ đường ống hệ	- Kiểm tra và bịt kín đường

	thống	ngược vào nhà xưởng	thống xử lý khí thải - Cửa kiểm tra mở khi đang chạy - Quạt hút ngừng đột ngột khi máy sản xuất còn chạy	ống bị rò rỉ - Tuyệt đối không mở cửa khi vận hành - Quy định tắt máy sản xuất trước khi dừng quạt hút
		Hệ thống tự ngắt nguồn điện	- Motor quá tải - Chập điện do bụi xâm nhập tủ điện	- Kiểm tra tải motor - Vệ sinh, làm kín tủ điện chống bụi
		Mùi khét từ hệ thống	- Cháy bụi do ma sát/cọ sát kim loại - Quá nhiệt motor	- Dừng khẩn cấp - Kiểm tra cánh quạt, bạc đạn - Vệ sinh bụi trong buồng quạt và đường ống

7. Các yêu cầu

Công ty TNHH Phú Luân Group ban hành quy trình vận hành hệ thống nghiền phục vụ sản xuất cho nhà máy nhà máy sản xuất tinh dầu trầm và các sản phẩm từ trầm hương, yêu cầu:

- + Niêm yết quy trình vận hành tại khu vực sản xuất;
- + Cán bộ vận hành phải học thuộc và nắm rõ quy trình vận hành;
- + Thực hiện đúng quy trình vận hành hệ thống như đã ban hành;
- + Trong quá trình vận hành, có xảy ra sự cố hoặc vấn đề gì khác phải nhanh chóng tạm dừng hoạt động, khắc phục và báo ngay đến ban lãnh đạo công ty.



Số: 2024.0120- K8/1583 /KT2-HC2

Ngày: 17/4/2024

Trang: 1/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

1. Tên mẫu: MẪU NƯỚC THẢI SAU XỬ LÝ TẠI HỒ GA QUAN TRẮC NƯỚC THẢI CỦA TRẠM XLNT TẬP TRUNG KCN BẮC CHU LAI GỬI NGÀY 27/3/2024
2. Ký hiệu mẫu:
3. Số lượng mẫu: 01
4. Tình trạng mẫu: Mẫu khoảng 5 lít, chứa trong can nhựa
5. Khách hàng: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP CHU LAI
6. Địa chỉ: Lô số 5, đường số 1, KCN Bắc Chu Lai, xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam, Việt Nam
7. Ngày nhận mẫu: 29/3/2024
8. Ngày thử nghiệm: từ ngày: 29/3/2024 đến ngày: 16/4/2024
9. Kết quả thử nghiệm:

TT	TÊN CHỈ TIÊU, ĐƠN VỊ TÍNH	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
1	pH (ở 25°C) ^(V)	TCVN 6492:2011	7,7
2	Độ màu ^(V) Pt-Co	TCVN 6185:2015	9,7
3	BOD ₅ (20°C) ^(V) mg/L	TCVN 6001-1:2021	KPH (MDL = 2,48)
4	COD ^(V) mg/L	SMEWW 5220 C:2017	< 25,3 (MQL)
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(V) mg/L	SMEWW 2540-D:2017	4,6
6	Hàm lượng Amoni (tính theo N) ^(V) mg/L	TCVN 5988:1995	KPH (MDL = 1,0)
7	Hàm lượng Nitơ tổng ^(V) mg/L	TCVN 6638:2000	9,80
8	Hàm lượng Phospho tổng ^(V) mg/L	TCVN 6202:2008	< 0,05 (MQL)
9	Hàm lượng Clorua ^(V) mg/L	SMEWW 4500 Cl ⁻ D:2017	71,1
10	Hàm lượng Florua ^(V) mg/L	TCVN 6494-1:2011	< 0,20 (MQL)
11	Hàm lượng Sunfua (tính theo H ₂ S) ^(V) mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ B&D:2017	< 0,078 (MQL)
12	Hàm lượng Fe ^(V) mg/L	TCVN 6177:1996	0,042
13	Hàm lượng Cr (VI) ^(V) mg/L	SMEWW 3500 Cr B:2017	< 0,008 (MQL)
14	Hàm lượng Cr (III) ^(S) mg/L	US EPA Method 200.8 & SMEWW 3500 Cr B:2023	KPH (MDL = 0,01)
15	Hàm lượng Pb ^(V) mg/L	SMEWW 3125B:2017	KPH (MDL = 0,004)





TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
DIRECTORATE FOR STANDARDS, METROLOGY AND QUALITY

TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 2
QUALITY ASSURANCE AND TESTING CENTER 2 (QUATEST 2)

Địa chỉ: 02 Ngô Quyền, quận Sơn Trà & 97 Lý Thái Tổ, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng
Address: No. 02 Ngo Quyen Str., Son Tra District & No. 97 Ly Thai To Str., Thanh Khe District, Da Nang City
Trung tâm Kỹ thuật Tây Nguyên: Khối 8, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
Central Highlands Technical Center: Block 8, Tan An Ward, Buon Ma Thuot City, Dak Lak Province
Điện thoại/Tel.: (0236) 3848376; (0262) 3796999; Fax: (0236) 3910064
Email: info@quatest2.gov.vn - Website: quatest2.gov.vn



Số: 2024.0120- K8/1583 /KT2-HC2

Ngày: 17/4/2024

Trang: 2/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

TT	TÊN CHỈ TIÊU, ĐƠN VỊ TÍNH	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
16	Hàm lượng Cd ^(V) mg/L	SMEVW 3125B:2017	KPH (MDL = 0,0005)
17	Hàm lượng Cu ^(V) mg/L	SMEVW 3125B:2017	0,120
18	Hàm lượng Zn ^(V) mg/L	SMEVW 3125B:2017	0,132
19	Hàm lượng As ^(V) mg/L	SMEVW 3125B:2017	KPH (MDL = 0,0006)
20	Hàm lượng Ni ^(V) mg/L	SMEVW 3125B:2017	0,012
21	Hàm lượng Hg ^(V) mg/L	SMEVW 3125B :2017	KPH (MDL = 0,0005)
22	Dầu mỡ khoáng ^(V) mg/L	SMEVW 5520 B, F:2017	< 1,0 (MQL)
23	Coliforms ^(V) MPN/100mL	SMEVW 9221B:2017	1,1 x 10 ³

Ghi chú:

- KPH: không phát hiện;
- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi;
- Tên mẫu, ký hiệu mẫu, tên khách hàng và địa chỉ được ghi theo yêu cầu của khách hàng;
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 2;
- Trung tâm Kỹ thuật 2 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả.
- (V): Chỉ tiêu được Bộ Tài nguyên Môi trường chứng nhận (VIMCERTS 119).
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
- MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp.

TRƯỜNG PHÒNG KỸ THUẬT 8

Đặng Tuấn Kiệt

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Ngô Thị Như Loan



Số: 2024.0147.1- K8/90 /KT2-K8

Ngày: 06/5/2024

Trang: 1/3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

1. Tên mẫu: NƯỚC THẢI
2. Ký hiệu mẫu: NT
3. Số lượng mẫu: 01
4. Tình trạng mẫu: Mẫu khoảng 6,5 lít, chứa trong 01 chai thủy tinh 0,5 L, 02 chai nhựa 0,5 L và can nhựa 5L
5. Khách hàng: CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KCN CHU LAI
6. Địa chỉ: Lô số 5, đường số 1, KCN Bắc Chu Lai, xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam
7. Ngày lấy mẫu: 10/4/2024
8. Thời gian và Địa điểm lấy mẫu: 09h40'-09h55' tại Nhà máy xử lý nước thải KCN Bắc Chu Lai và các vị trí nước mặt (CCI, Cửa xả Thọ Khương, Cửa xả Cánh đồng Sim)
9. Ngày thử nghiệm: từ ngày: 10/4/2024 đến ngày: 02/5/2024
10. Kết quả thử nghiệm:

TT	TÊN CHỈ TIÊU, ĐƠN VỊ TÍNH	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM	QCVN
1	Nhiệt độ(**)(^o)	°C	SMEWW 2550 B:2017	40
2	Độ màu(^o)	Pt/Co	TCVN 6185:2015	150
3	pH (25°C)(**)(^o)	-	TCVN 6492:2011	5,5 ÷ 9
4	COD(^o)	mg/L	SMEWW 5220 C:2017	150
5	BOD ₅ (20°C)(^o)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	50
6	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)(^o)	mg/L	SMEWW 2540 D:2017	100
7	Hàm lượng Amoni (tính theo N)(^o)	mg/L	TCVN 5988:1995	10
8	Hàm lượng Sunfua (tính theo H ₂ S)(^o)	mg/L	SMEWW 4500-S ² -B&D:2017	0,5
9	Hàm lượng Clorua(^o)	mg/L	SMEWW 4500 Cl ⁻ D:2017	1000
10	Hàm lượng Mn(^s)	mg/L	US EPA Method 200.8	1
11	Hàm lượng Fe(^o)	mg/L	TCVN 6177:1996	5
12	Hàm lượng Phospho tổng(^o)	mg/L	TCVN 6202:2008	6
13	Hàm lượng As(^o)	mg/L	SMEWW 3125B:2017	0,1
14	Hàm lượng Hg(^o)	mg/L	SMEWW 3125B :2017	0,01
15	Hàm lượng Pb(^o)	mg/L	SMEWW 3125B:2017	0,5
16	Hàm lượng Cd(^o)	mg/L	SMEWW 3125B:2017	0,1
17	Hàm lượng Zn(^o)	mg/L	SMEWW 3125B:2017	3
18	Hàm lượng Ni(^o)	mg/L	SMEWW 3125B:2017	0,5
19	Hàm lượng Cr (VI)(^s)	mg/L	SMEWW 3500 Cr B:2023	0,1
20	Hàm lượng Cr (III)(^s)	mg/L	US EPA Method 200.8 & SMEWW 3500 Cr B:2023	1



KT2.QT.30/B.06(V)/02.04.2019



Số: 2024.0147.1- K8/90 /KT2-K8

Ngày: 06/5/2024

Trang: 2/3

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

TT	TÊN CHỈ TIÊU, ĐƠN VỊ TÍNH	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM	QCVN(*)
21	Hàm lượng Florua ^(V) mg/L	TCVN 6494-1:2011	< 0,20 (MQL)	10
22	Hàm lượng Cu ^(V) mg/L	SMEWW 3125B:2017	0,05	2
23	Hàm lượng Cyanua ^(V) mg/L	SMEWW 4500-CN-E:2017	< 0,003 (MQL)	0,1
24	Hàm lượng Nitơ tổng ^(V) mg/L	TCVN 6638:2000	12,3	40
25	Dầu mỡ khoáng ^(V) mg/L	SMEWW 5520 B, F:2017	2,07	10
26	Tổng Phenol ^(V) mg/L	TCVN 6216:1996	< 0,03 (MQL)	0,5
27	Coliforms ^(V) MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	2,2 x 10 ²	5 000

- Phương pháp lấy mẫu: TCVN 5999:1995, TCVN 8880:2011.
- Vị trí lấy mẫu: Mẫu được lấy tại hố ga quan trắc nước thải đầu ra nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN Bắc Chu Lai (tọa độ VN 2000 (X = 1707310m, Y = 0592875m).
- Quá trình lấy mẫu thực hiện theo biên bản lấy mẫu số: 90/KT2-K8 ngày 10/4/2024.

Ghi chú:

- (*): QCVN 40:2011/BTNMT (Giá trị C, cột B) – Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Nước thải công nghiệp.
- (**): Chỉ tiêu thử nghiệm tại hiện trường.
- KPH: không phát hiện;
- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do Trung tâm Kỹ thuật 2 lấy như Biên bản lấy mẫu kèm theo;
- Tên mẫu, ký hiệu mẫu, tên khách hàng và địa chỉ được ghi theo yêu cầu của khách hàng;
- Phiếu kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 2;
- Trung tâm Kỹ thuật 2 không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả;
- (V): Chỉ tiêu được Bộ Tài nguyên Môi trường chứng nhận (VIMCERTS 119).
- (S): Kết quả thử nghiệm được thực hiện bởi nhà thầu phụ (VIMCERTS 078).
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
- MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp.

TRƯỞNG PHÒNG KỸ THUẬT 8

GIÁM ĐỐC

Đặng Tuấn Kiệt



Nguyễn Phú Quốc





Số/Ref:
555/KQ-ML/2024-2567

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Test report

Ngày/Date: 03/10/2024

1. Tên mẫu/Name of sample: Mẫu nước thải
2. Số lượng mẫu/Quantity of sample: 01
3. Ký hiệu mẫu/Mark of sample: NT1
4. Đơn vị lấy mẫu/Sampling units: Trung tâm quan trắc và phân tích môi trường Quảng Nam
5. Ngày lấy mẫu/Observed date: 26/9/2024
6. Ngày thử nghiệm/Date of testing: 26/9/2024 - 03/10/2024
7. Tình trạng mẫu/Sample status: Mẫu được bảo quản theo quy định
8. Khách hàng/Client: Công ty TNHH MTV Phát triển hạ tầng KCN Chu Lai
9. Địa chỉ/Address: KCN Bắc Chu Lai, xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam

STT (No)	Tên thông số (Parameters)	Phương pháp phân tích (Analytical methods)	Đơn vị tính (Unit)	Giới hạn phát hiện (LOD)	Kết quả thử nghiệm (Test results)
					NT1
1	pH	TCVN 6492:2011	-	-	7,9
2	Chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	mg/l	-	10,2
3	BOD ₅ (20 ⁰ C)	TCVN 6001-1:2021	mg/l	-	12,4
4	COD	SMEWW 5220C:2023	mg/l	-	24,0
5	Tổng Nitơ	SMEWW 4500N.C:2023 SMEWW 4500NO ₃ .E:2023	mg/l	-	5,30
6	Tổng Phospho	TCVN 6202:2008	mg/l	-	0,079
7	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	SMEWW 4500 NH ₃ .B&F:2023	mg/l	-	0,090
8	Asen (As)	SMEWW 3114B:2023	mg/l	0,0005	KPH
9	Thủy ngân (Hg)	SMEWW 3112B:2023	mg/l	0,00015	KPH
10	Đồng (Cu)	SMEWW 3111B:2023	mg/l	0,015	KPH
11	Cadimi (Cd)	SMEWW 3113B:2023	mg/l	0,0004	KPH
12	Crom (III)	SMEWW 3111B:2023 SMEWW 3500Cr.B:2023	mg/l	0,030	KPH
13	Crom (VI)	SMEWW 3500Cr.B:2023	mg/l	0,005	KPH
14	Kẽm (Zn)	SMEWW 3111B:2023	mg/l	0,015	KPH
15	Chì (Pb)	SMEWW 3113B:2023	mg/l	0,003	KPH

1. Các kết quả có trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử
2. Không được in sao một phần văn bản này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm QT&PTMT Quảng Nam
3. Trong vòng 10 ngày sau khi trả kết quả, nếu khách hàng không có khiếu nại gì TT sẽ tiến hành hủy mẫu
(*) Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 1259)
(**) Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ

Mã hiệu:BM-QT-13-03
Ngày ban hành: 01/02/2024



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH QUẢNG NAM
TRUNG TÂM QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT OF
QUANG NAM PROVINCE
ENVIRONMENTAL MONITORING AND ANALYSIS CENTER
Trụ sở: 84 Phan Bội Châu - TP. Tam Kỳ - Tỉnh Quảng Nam
Tel: 0235. 3829357 - 3825499 Fax: 0235.3825588
Email: qtmtquangnam@gmail.com; Website: ttqtmt.quangnam.gov.vn



VIMCERTS 048

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Test report

STT (No)	Tên thông số (Parameters)	Phương pháp phân tích (Analytical methods)	Đơn vị tính (Unit)	Giới hạn phát hiện (LOD)	Kết quả thử nghiệm (Test results)
					NT1
16	Sắt (Fe)	TCVN 6177:1996	mg/l	-	0,169
17	Dầu mỡ khoáng	SMEWW 5520B&F:2023	mg/l	1,2	KPH
18	Coliform	SMEWW 9221B:2023	MPN/100ml	2	KPH

Ghi chú:

- NT1: Mẫu nước thải lấy tại đầu ra hệ thống xử lý nước thải, tọa độ VN2000 (X= 1707305, Y= 0592520);
- KPH: Không phát hiện.

**PHÒNG QUAN TRẮC & PHÂN TÍCH
PHÓ PHÒNG**

Phan Thị Tuyết

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Văn Thanh

1. Các kết quả có trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử
 2. Không được in sao một phần văn bản này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm QT&PTMT Quảng Nam
 3. Trong vòng 10 ngày sau khi trả kết quả, nếu khách hàng không có khiếu nại gì TT sẽ tiến hành hủy mẫu
- (*) Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 (Viết 1259)
(**) Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ

Mã hiệu: BM-QT-13-03
Ngày ban hành: 01/02/2024



Số/Ref:
659/KQ-ML/2024-3072

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Test report

Ngày/Date: 13/11/2024

1. Tên mẫu/Name of sample: Mẫu nước thải
2. Số lượng mẫu/Quantity of sample: 01
3. Ký hiệu mẫu/Mark of sample: NT1
4. Đơn vị lấy mẫu/Sampling units: Trung tâm quan trắc và phân tích môi trường Quảng Nam
5. Ngày lấy mẫu/Observed date: 06/11/2024
6. Ngày thử nghiệm/Date of testing: 06/11/2024 – 13/11/2024
7. Tình trạng mẫu/Sample status: Mẫu được bảo quản theo quy định
8. Khách hàng/Client: Công ty TNHH MTV Phát triển hạ tầng KCN Chu Lai
9. Địa chỉ/Address: KCN Bắc Chu Lai, xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam

STT (No)	Tên thông số (Parameters)	Phương pháp phân tích (Analytical methods)	Đơn vị tính (Unit)	Giới hạn phát hiện (LOD)	Kết quả thử nghiệm (Test results)
					NT1
1	pH	TCVN 6492:2011	-	-	7,2
2	Chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	mg/l	-	16,0
3	BOD ₅ (20°C)	TCVN 6001-1:2021	mg/l	-	9,0
4	COD	SMEWW 5220C:2023	mg/l	-	17,6
5	Tổng Nitơ	SMEWW 4500N.C:2023 SMEWW 4500NO ₃ .E:2023	mg/l	-	5,81
6	Tổng Phospho	TCVN 6202:2008	mg/l	-	0,045
7	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	SMEWW 4500 NH ₃ .B&F:2023	mg/l	-	0,052
8	Asen (As)	SMEWW 3114B:2023	mg/l	0,0005	KPH
9	Thủy ngân (Hg)	SMEWW 3112B:2023	mg/l	0,00015	KPH
10	Đồng (Cu)	SMEWW 3111B:2023	mg/l	0,015	KPH
11	Cadimi (Cd)	SMEWW 3113B:2023	mg/l	0,0004	KPH
12	Crom (III)	SMEWW 3111B:2023 SMEWW 3500Cr.B:2023	mg/l	0,030	KPH
13	Crom (VI)	SMEWW 3500Cr.B:2023	mg/l	0,005	KPH
14	Kẽm (Zn)	SMEWW 3111B:2023	mg/l	0,015	KPH
15	Chì (Pb)	SMEWW 3113B:2023	mg/l	0,003	KPH

1. Các kết quả có trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử
2. Không được in sao một phần văn bản này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm QT&PTMT Quảng Nam
3. Trong vòng 10 ngày sau khi trả kết quả, nếu khách hàng không có khiếu nại gì TT sẽ tiến hành hủy mẫu
(*) Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 1259)
(**) Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ

Mã hiệu:BM-QT-13-03
Ngày ban hành: 01/02/2024



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH QUẢNG NAM
TRUNG TÂM QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
DEPARTMENT OF NATURAL RESOURCES AND ENVIRONMENT
OF QUANG NAM PROVINCE
ENVIRONMENTAL MONITORING AND ANALYSIS CENTER
Trụ sở: 84 Phan Bội Châu – TP. Tam Kỳ - Tỉnh Quảng Nam
Tel: 0235 3829357 – 3825499 Fax: 0235 3825588
Email: qtmtquangnam@gmail.com; Website: ttqtmt.quangnam.gov.vn



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Test report

STT (No)	Tên thông số (Parameters)	Phương pháp phân tích (Analytical methods)	Đơn vị tính (Unit)	Giới hạn phát hiện (LOD)	Kết quả thử nghiệm (Test results)
					NT1
16	Sắt (Fe)	TCVN 6177:1996	mg/l	-	0,143
17	Dầu mỡ khoáng	SMEWW 5520B&F:2023	mg/l	1,2	KPH
18	Coliform	SMEWW 9221B:2023	MPN/100ml	2	KPH

Ghi chú:

- NT1: Mẫu nước thải lấy tại đầu ra hệ thống xử lý nước thải, tọa độ VN2000 (X= 1707305m, Y= 0592520m);
- KPH: Không phát hiện.

**PHÒNG QUAN TRẮC & PHÂN TÍCH
PHÓ PHÒNG**

Phan Thị Tuyết

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Văn Thanh

1. Các kết quả có trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử
 2. Không được in sao một phần văn bản này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm QT&PTMT Quảng Nam
 3. Trong vòng 10 ngày sau khi trả kết quả, nếu khách hàng không có khiếu nại gì TT sẽ tiến hành hủy mẫu
- (*) Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 (Viết 1259)
(**) Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ

Mã hiệu: BM-QT-13-03
Ngày ban hành: 01/02/2024



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH QUẢNG NAM
TRUNG TÂM QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
DEPARTMENT OF AGRICULTURE AND ENVIRONMENT OF
QUANG NAM PROVINCE
ENVIRONMENTAL MONITORING AND ANALYSIS CENTER
Trụ sở: Số 84 Phan Bội Châu-Phường Tân Thành-TP.Tam Kỳ-Tỉnh Quảng Nam
Tel: 0235.3829357 – 3825499; Fax: 0235.3825588
Email: qtmqquangnam@gmail.com; Website: ttqmtt.quangnam.gov.vn



VIMCERTS 048

Số/Ref:
152/KQ-ML/2025-730

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Test report

Ngày/Date: 28/3/2025

- Tên mẫu/Name of sample: Mẫu nước thải
- Số lượng mẫu/Quantity of sample: 01
- Ký hiệu mẫu/Mark of sample: NT1
- Đơn vị lấy mẫu/Sampling units: Trung tâm quan trắc và phân tích môi trường Quảng Nam
- Ngày lấy mẫu/Observed date: 20/3/2025
- Ngày thử nghiệm/Date of testing: 20/3/2025 – 28/3/2025
- Tình trạng mẫu/Sample status: Mẫu được bảo quản theo quy định
- Khách hàng/Client: Công ty TNHH MTV Phát triển hạ tầng KCN Chu Lai
- Địa chỉ/Address: KCN Bắc Chu Lai, xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam

STT (No)	Tên thông số (Parameters)	Phương pháp phân tích (Analytical methods)	Đơn vị tính (Unit)	Giới hạn phát hiện (LOD)	Kết quả thử nghiệm (Test results)
					NT1
1	pH	TCVN 6492:2011	-	-	7,3
2	Chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	mg/l	-	18,0
3	BOD ₅ (20°C)	TCVN 6001-1:2021	mg/l	-	23,0
4	COD	SMEWW 5220C:2023	mg/l	-	44,0
5	Tổng Nito	SMEWW 4500N.C:2023 SMEWW 4500NO ₃ .E:2023	mg/l	-	11,0
6	Tổng Phospho	TCVN 6202:2008	mg/l	-	0,143
7	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	SMEWW 4500 NH ₃ .B&F:2023	mg/l	-	0,091
8	Asen (As)	SMEWW 3114B:2023	mg/l	0,0005	KPH
9	Thủy ngân (Hg)	SMEWW 3112B:2023	mg/l	0,00015	KPH
10	Đồng (Cu)	SMEWW 3111B:2023	mg/l	0,015	KPH
11	Cadimi (Cd)	SMEWW 3113B:2023	mg/l	0,0004	KPH
12	Crom (III)	SMEWW 3111B:2023 SMEWW 3500Cr.B:2023	mg/l	0,030	KPH
13	Crom (VI)	SMEWW 3500Cr.B:2023	mg/l	0,005	KPH
14	Kẽm (Zn)	SMEWW 3111B:2023	mg/l	0,015	KPH
15	Chì (Pb)	SMEWW 3113B:2023	mg/l	0,003	KPH

- Các kết quả có trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử
 - Không được in sao một phần văn bản này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm QT&PTMT Quảng Nam
 - Trong vòng 10 ngày sau khi trả kết quả, nếu khách hàng không có khiếu nại gì TT sẽ tiến hành hủy mẫu
- (*) Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 1259)
(**) Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ

Mã hiệu:BM-QT-13-03
Ngày ban hành: 24/02/2025



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH QUẢNG NAM
TRUNG TÂM QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
DEPARTMENT OF AGRICULTURE AND ENVIRONMENT OF
QUANG NAM PROVINCE
ENVIRONMENTAL MONITORING AND ANALYSIS CENTER
Trụ sở: Số 84 Phan Bội Châu-Phường Tân Thành-TP.Tam Kỳ-Tỉnh Quảng Nam
Tel: 0235.3829357 – 3825499; Fax: 0235.3825588
Email: qtmtquangnam@gmail.com; Website: ttqmtl.quangnam.gov.vn



VIMCERTS 048

STT (No)	Tên thông số (Parameters)	Phương pháp phân tích (Analytical methods)	Đơn vị tính (Unit)	Giới hạn phát hiện (LOD)	Kết quả thử nghiệm (Test results)
					NT1
16	Sắt (Fe)	TCVN 6177:1996	mg/l	-	0,141
17	Dầu mỡ khoáng	SMEWW 5520B&F:2023	mg/l	1,2	KPH
18	Coliform	SMEWW 9221B:2023	MPN/100ml	2	KPH

Ghi chú:

- NT1: Mẫu nước thải lấy tại đầu ra hệ thống xử lý nước thải, tọa độ VN2000 (X= 1707305m, Y= 0592520m);
- KPH: Không phát hiện.

PHÒNG QUAN TRẮC & PHÂN TÍCH
PHÓ PHÒNG

Phan Thị Tuyết



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Thanh

1. Các kết quả có trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử
 2. Không được in sao một phần văn bản này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm QT&PTMT Quảng Nam
 3. Trong vòng 10 ngày sau khi trả kết quả, nếu khách hàng không có khiếu nại gì TT sẽ tiến hành hủy mẫu
- (*) Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 (Viets 1259)
(**) Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ

Mã hiệu: BM-QT-13-03
Ngày ban hành: 24/02/2025



Số/Ref:
432/KQ-ML/2025-1936

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Test report

Ngày/Date: 27/6/2025
Trang: 1/2

1. Tên mẫu/Name of sample: Mẫu nước thải
2. Số lượng mẫu/Quantity of sample: 01
3. Ký hiệu mẫu/Mark of sample: NT1
4. Đơn vị lấy mẫu/Sampling units: Trung tâm quan trắc và phân tích môi trường Quảng Nam
5. Ngày lấy mẫu/Observed date: 21/6/2025
6. Ngày thử nghiệm/Date of testing: 21/6/2025 – 27/6/2025
7. Tình trạng mẫu/Sample status: Mẫu được bảo quản theo quy định
8. Khách hàng/Client: Công ty TNHH MTV Phát triển hạ tầng KCN Chu Lai
9. Địa chỉ/Address: KCN Bắc Chu Lai, xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam

STT (No)	Tên thông số (Parameters)	Phương pháp phân tích (Analytical methods)	Đơn vị tính (Unit)	Giới hạn phát hiện (LOD)	Kết quả thử nghiệm (Test results)
					NT1
1	pH	TCVN 6492:2011	-	-	7,6
2	Chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	mg/l	-	8,5
3	BOD ₅ (20°C)	TCVN 6001-1:2021	mg/l	-	12,0
4	COD	SMEWW 5220C:2023	mg/l	-	22,4
5	Tổng Nitơ	SMEWW 4500N.C:2023 SMEWW 4500NO ₃ ⁻ .E:2023	mg/l	-	8,72
6	Tổng Phospho	TCVN 6202:2008	mg/l	-	0,150
7	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	SMEWW 4500 NH ₃ .B&F:2023	mg/l	-	KPH
8	Asen (As)	SMEWW 3114B:2023	mg/l	0,0005	KPH
9	Thủy ngân (Hg)	SMEWW 3112B:2023	mg/l	0,00015	0,00025 (<LOQ)
10	Đồng (Cu)	SMEWW 3111B:2023	mg/l	0,015	KPH
11	Cadimi (Cd)	SMEWW 3113B:2023	mg/l	0,0004	KPH
12	Crom (III)	SMEWW 3111B:2023 SMEWW 3500Cr.B:2023	mg/l	0,030	KPH
13	Crom (VI)	SMEWW 3500Cr.B:2023	mg/l	0,005	KPH
14	Kẽm (Zn)	SMEWW 3111B:2023	mg/l	0,015	KPH
15	Chì (Pb)	SMEWW 3113B:2023	mg/l	0,003	KPH

1. Các kết quả có trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử
2. Không được in sao một phần văn bản này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm QT&PTMT Quảng Nam
3. Trong vòng 10 ngày sau khi trả kết quả, nếu khách hàng không có khiếu nại gì TT sẽ tiến hành hủy mẫu
(*) Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 1259)
(**) Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ

Mã hiệu: BM-QT-13-03
Ngày ban hành: 24/02/2025



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH QUẢNG NAM
TRUNG TÂM QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
DEPARTMENT OF AGRICULTURE AND ENVIRONMENT OF
QUANG NAM PROVINCE
ENVIRONMENTAL MONITORING AND ANALYSIS CENTER
Trụ sở: Số 84 Phan Bội Châu-Phường Tân Thành-TP.Tam Kỳ-Tỉnh Quảng Nam
Tel: 0235.3829357 – 3825499; Fax: 0235.3825588
Email: qtmtquangnam@gmail.com; Website: ttqtmt.quangnam.gov.vn



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Test report

Trang: 2/2

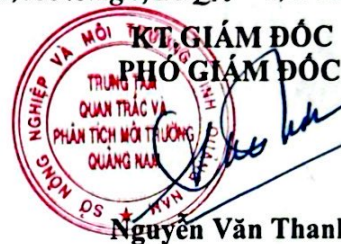
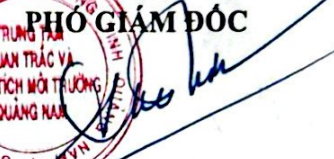
STT (No)	Tên thông số (Parameters)	Phương pháp phân tích (Analytical methods)	Đơn vị tính (Unit)	Giới hạn phát hiện (LOD)	Kết quả thử nghiệm (Test results)
					NT1
16	Sắt (Fe)	TCVN 6177:1996	mg/l	-	0,055 (<LOQ)
17	Tổng dầu mỡ khoáng	SMEWW 5520B&F:2023	mg/l	1,2	KPH
18	Coliform	SMEWW 9221B:2023	MPN/100ml	2	KPH

Ghi chú:

- NT1: Mẫu nước thải lấy tại đầu ra hệ thống xử lý nước thải, tọa độ VN2000 (X= 1707305m, Y= 0592520m);
- KPH: Không phát hiện;
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp phân tích ($LOQ_{Hg} = 0,00045mg/l$; $LOQ_{Fe} = 0,090mg/l$).

**PHÒNG QUAN TRẮC & PHÂN TÍCH
PHÓ PHÒNG**


Phan Thị Tuyết


**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Văn Thanh

1. Các kết quả có trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử
 2. Không được in sao một phần văn bản này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm QT&PTMT Quảng Nam
 3. Trong vòng 10 ngày sau khi trả kết quả, nếu khách hàng không có khiếu nại gì TT sẽ tiến hành hủy mẫu
- (*) Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 1259)
(**) Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ

Mã hiệu: BM-QT-13-03
Ngày ban hành: 24/02/2025



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG QUẢNG NAM
DEPARTMENT OF AGRICULTURE AND ENVIRONMENT OF DA NANG CITY
QUANG NAM ENVIRONMENTAL MONITORING AND ANALYSIS CENTER

Trụ sở: 84 Phan Bội Châu – phường Bàn Thạch – thành phố Đà Nẵng
Tel: 0235.3829357 – 3825499; Fax: 0235.3825588
Email: qtmtquangnam@gmail.com; Website: ttqmtt.quangnam.gov.vn



VIMCERTS 048

Số/Ref:
505/KQ-MG/2025-2336

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
Test report

Ngày/Date: 19/8/2025

- Tên mẫu/Name of sample: Mẫu nước thải
- Số lượng mẫu/Quantity of sample: 01
- Ký hiệu mẫu/Mark of sample: NT1
- Đơn vị lấy mẫu/Sampling units: Khách hàng lấy mẫu
- Ngày nhận mẫu/Observed date: 08/8/2025
- Ngày thử nghiệm/Date of testing: 09/8/2025 – 19/8/2025
- Tình trạng mẫu/Sample status: Mẫu được đựng trong chai nhựa có dung tích 5 lít, bảo quản lạnh
- Khách hàng/Client: CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KCN CHU LAI
- Địa chỉ/Address: KCN Bắc Chu Lai, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng

STT (No)	Tên thông số (Parameters)	Phương pháp phân tích (Analytical methods)	Đơn vị tính (Unit)	Giới hạn phát hiện (LOD)	Kết quả thử nghiệm (Test results)
					NT1
1	pH	TCVN 6492:2011	-	-	7,5
2	Chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	mg/l	-	10,0
3	BOD ₅ (20°C)	TCVN 6001-1:2021	mg/l	-	13,0
4	COD	SMEWW 5220C:2023	mg/l	-	25,2
5	Tổng Nitơ	SMEWW 4500N.C:2023 SMEWW 4500NO ₃ ⁻ .E:2023	mg/l	-	11,6
6	Tổng Phospho	TCVN 6202:2008	mg/l	-	0,101
7	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	SMEWW 4500 NH ₃ .B&F:2023	mg/l	-	0,061
8	Asen (As)	SMEWW 3114B:2023	mg/l	0,0005	0,0007 (<LOQ)
9	Thủy ngân (Hg)	SMEWW 3112B:2023	mg/l	0,00015	KPH
10	Đồng (Cu)	SMEWW 3111B:2023	mg/l	0,015	KPH
11	Cadimi (Cd)	SMEWW 3113B:2023	mg/l	0,0004	KPH
12	Crom (III)	SMEWW 3111B:2023 SMEWW 3500Cr.B:2023	mg/l	0,030	KPH

- Các kết quả có trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử
 - Không được in sao một phần văn bản này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm QT&PTMT Quảng Nam
 - Trong vòng 10 ngày sau khi trả kết quả, nếu khách hàng không có khiếu nại gì TT sẽ tiến hành hủy mẫu
- (*) Chỉ tiêu được công nhận ISO IEC 17025:2017 (Vilas 1259)
(**) Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ

Mã hiệu: BM-QT-13-03
Ngày ban hành: 01/7/2025



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG QUẢNG NAM
DEPARTMENT OF AGRICULTURE AND ENVIRONMENT OF DA NANG CITY
QUANG NAM ENVIRONMENTAL MONITORING AND ANALYSIS CENTER

Trụ sở: 84 Phan Bội Châu – phường Bàn Thạch – thành phố Đà Nẵng
Tel: 0235.3829357 – 3825499; Fax: 0235.3825588
Email: qtmtquangnam@gmail.com; Website: ttqmtl.quangnam.gov.vn



VIMCERTS 048

STT (No)	Tên thông số (Parameters)	Phương pháp phân tích (Analytical methods)	Đơn vị tính (Unit)	Giới hạn phát hiện (LOD)	Kết quả thử nghiệm (Test results)
					NT1
13	Crom (VI)	SMEWW 3500Cr.B:2023	mg/l	0,005	KPH
14	Kẽm (Zn)	SMEWW 3111B:2023	mg/l	0,015	KPH
15	Chì (Pb)	SMEWW 3113B:2023	mg/l	0,003	KPH
16	Sắt (Fe)	TCVN 6177:1996	mg/l	0,030	KPH
17	Tổng dầu mỡ khoáng	SMEWW 5520B&F:2023	mg/l	1,2	KPH
18	Coliform	SMEWW 9221B:2023	MPN/100ml	2	KPH

Ghi chú: Mẫu do khách hàng mang đến

- Đơn vị được thu mẫu: Nhà máy xử lý nước thải Khu công nghiệp Bắc Chu Lai – Địa chỉ: KCN Bắc Chu Lai, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng.
- NT1: Mẫu nước thải đầu ra hệ thống xử lý nước thải của Nhà máy xử lý nước thải Khu công nghiệp Bắc Chu Lai, tọa độ VN2000: X(m) = 1707305; Y(m) = 0592520;
- KPH: Không phát hiện;
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp phân tích ($LOQ_{As} = 0,0015mg/l$).

**PHÒNG QUAN TRẮC & PHÂN TÍCH
PHÓ PHÒNG**


Phan Thị Tuyết


Nguyễn Văn Thanh

1. Các kết quả có trong phiếu này chỉ có giá trị trên mẫu thử
 2. Không được in sao một phần văn bản này nếu không có sự đồng ý của Trung tâm QT&PTMT Quảng Nam
 3. Trong vòng 10 ngày sau khi trả kết quả, nếu khách hàng không có khiếu nại gì TT sẽ tiến hành hủy mẫu
- (*) Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017 (Viết 1259)
(**) Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ

Mã hiệu: BM-QT-13-03
Ngày ban hành: 01/7/2025